BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
ANNUAL REPORT YEAR 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
CAN THO PORT JOINT STOCK COMPANY

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
Ký ngày: 18/4/2020 23:26:55

I. Thông tin chung/ *General information*

1. *Thông tin khái quát/ General information*

Tên giao dịch:	**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**
Tên tiếng anh:	Can Tho Port Joint Stock Company
Giấy chứng nhận ĐKDN số:	1801319907, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19/04/2017
Vốn điều lệ:	284.800.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	284.800.000.000 đồng
Địa chỉ:	02 Khu vực Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Số điện thoại:	0292 652 64 83
Số fax:	0292 391 73 95
Website:	www.canthoport.com.vn
Email:	canthoport.info@gmail.com
Mã cổ phiếu:	CCT

Quá trình hình thành và phát triển

❖ **Quá trình hình thành Cảng Cần Thơ (Cảng Hoàng Diệu):**

- Tháng 6/1980: Cảng Cần Thơ được thành lập trên cơ sở tiếp nhận một quân cảng thuộc Tiểu đoàn 804, Trung đoàn 659, Quân khu 9 trực thuộc UBND tỉnh Hậu Giang.
- 29/8/1980: Cảng trực thuộc Công ty Giao thông Vận tải Hậu Giang theo Quyết định số 390/QĐ-UB.80 của UBND tỉnh Hậu Giang.
- 28/11/1992: Cảng được chuyển thành Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Cần Thơ theo Quyết định số 1393/QĐ.UBT. của UBND TP.Cần Thơ.
- 17/09/1993: Cảng Cần Thơ trở thành Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1828/KH-ĐT của Bộ GTVT.
- 30/07/2002: Cảng Cần Thơ được tổ chức lại thành đơn vị hạch toán phụ thuộc - trực thuộc Cảng Sài Gòn theo Quyết định số 2334/2002/QĐ-BGTVT ngày 26/7/2002 của

Bộ trưởng Bộ GTVT và Quyết định số 631/QĐ-HĐQT ngày 30/7/2002 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

- 16/11/2006: Tách chuyển nguyên trạng Cảng Cần Thơ – đơn vị trực thuộc Cảng Sài Gòn về làm đơn vị hạch toán phụ thuộc - trực thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1045/QĐ-HĐQT ngày 16/11/2006 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

❖ **Quá trình hình thành Cảng Cái Cui**

- 06/6/2006: Cảng Cái Cui được thành lập theo Quyết định 1434/QĐ-UBND của UBND Thành phố Cần Thơ.
- 16/8/2007: Thủ tướng chính phủ quyết định chuyển giao Cảng Cái Cui về Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1050/QĐ-TTg.

❖ **Quá trình hình thành Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ**

- 31/10/2013: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ được thành lập trên cơ sở sáp nhập Cảng Cần Thơ (nay là Cảng Hoàng Diệu) vào Cảng Cái Cui theo Quyết định số 289/QĐ-HHVN ngày 19/6/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

Năm 2015:

- 25/3/2015: Công ty tổ chức thành công Đại hội cổ đông thành lập Công ty CP Cảng Cần Thơ.
- 31/3/2015: Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty CP với mức vốn điều lệ 284.800.000.000 đồng.

Năm 2016:

- 25/4/2016: Công ty CP Cảng Cần Thơ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ Công ty đại chúng.
- 01/7/2016: Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán với tổng số lượng chứng khoán đăng ký lưu ký lần đầu là 28.480.000 cổ phiếu.

Năm 2017:

- 20/6/2017: Công ty được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu.
- 30/6/2017: Cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán CCT.

Trải qua 40 năm kể từ ngày thành lập cho đến nay, Cảng Cần Thơ đã trải qua nhiều chủ thể quản lý nhằm mục đích chuyển đổi phù hợp với cơ chế quản lý tạo điều kiện cho Cảng phát triển trở thành cảng biển có quy mô lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long, từng bước hoàn thành các mục tiêu Nhà nước giao phó đáp ứng nhu cầu, động lực phát triển kinh tế của vùng và khu vực hạ lưu sông Mekong.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Bốc xếp vận tải;
- Cho thuê bến bãi và dịch vụ lưu kho bảo quản;

- Cung ứng xăng dầu;
- Kinh doanh dịch vụ phụ trợ khác;

Hoạt động bốc xếp, vận tải:

- Về hoạt động bốc xếp: bao gồm các dịch vụ bốc xếp hàng container, hàng thiết bị, dịch vụ thu gom, bốc xếp hàng tổng hợp, hàng bao, hàng rời... Đây là dịch vụ kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Cảng Cần Thơ qua từng năm. Công ty hiện đang sở hữu và khai thác 867m cầu cảng, có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng 20.000DWT, cùng với các loại cần trục có sức nâng từ 25 – 250 tấn, đủ khả năng bốc xếp cho các tàu có tải trong lớn, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí bốc dỡ.

- ***Về hoạt động vận tải:*** Công ty hiện đang sở hữu các đội sà lan, tàu lai dắt, đội xe tải container chuyên nghiệp, đáp ứng được các hoạt động vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ. Ngoài ra, Công ty còn liên kết với các công ty chuyên vận tải hàng hóa nhằm đáp ứng nhanh chóng và hiệu quả mọi nhu cầu của khách hàng.

Dịch vụ lưu kho bãi

- Kho và dịch vụ lưu kho: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ đang sở hữu một hệ thống nhà kho với diện tích sử dụng lớn nhằm bảo quản và lưu trữ hàng hóa được tốt hơn. Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong việc kiểm soát, lưu trữ hàng hóa, có phương thức đóng gói hàng hóa cẩn thận, chính xác giúp tiết kiệm diện tích và giảm thiểu các chi phí phát sinh để có thể tận dụng tối đa diện tích kho bãi. Dịch vụ lưu kho của Công ty có tỷ lệ phủ kín cao, có những thời điểm diện tích phủ kín lên tới 100%.

- ***Bãi và dịch vụ cho thuê bến bãi:*** Với tổng cộng hơn 160.000 m2 bãi hàng hóa ở các bến cảng biển Cái Cui, Hoàng Diệu và cảng sông Sóc Trăng, Công ty hiện đang sở hữu cơ sở hạ

tầng bãi lớn nhất so với các cảng khác trong khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, tỷ lệ lấp đầy chung toàn Công ty hiện ở mức 42%.

Hoạt động cung ứng xăng dầu

Là một trong những dịch vụ kinh doanh truyền thống của Cảng. Trong thời gian qua, dịch vụ cung ứng xăng dầu cho các đối tượng tàu chở hàng hóa qua cảng và các đơn vị vận tải trong cảng đang phát triển trở thành một trong những nhóm dịch vụ thường xuyên mang lại nguồn thu đáng kể trong tương lai của Công ty.

Hoạt động kinh doanh khác

- Ngoài các nhóm dịch vụ chính kể trên, Công ty hiện còn cung cấp các dịch vụ giao nhận, cung ứng hàng hải, dịch vụ cho thuê tàu lại và các dịch vụ khác.
- Các dịch vụ phụ trợ này tuy chiếm tỷ trọng doanh thu không cao nhưng lại đóng vai trò hỗ trợ quan trong, giúp Công ty hình thành chuỗi cung ứng dịch vụ hàng hải đa dạng và hoàn chỉnh.

2.2. Địa bàn kinh doanh/Location of business:

❖ Cảng Cần Thơ hiện đang cung cấp dịch vụ chủ yếu tại thành phố Cần Thơ với các bến cảng biển tại Cảng Cái Cui, Cảng Hoàng Diệu và các bến phao trên sông Hậu.

❖ Cảng Cần Thơ hiện đang cung cấp dịch vụ gom vét than khu vực Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; đồng thời, phối hợp với Công ty liên kết Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn để cung cấp dịch vụ xếp dỡ và cho thuê kho, bãi tại khu vực này.

❖ Ngoài ra, ngày 19/4/2018 Cảng Cần Thơ đã chính thức đưa Cảng sông Sóc Trăng vào khai thác sau khi đấu giá thành công quyền tổ chức quản lý và khai thác Cảng sông Sóc Trăng do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng tổ chức. Việc Cảng Cần Thơ đưa Cảng Sóc Trăng vào khai thác đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các chuỗi logistics của Công ty tại các tỉnh khu vực hạ lưu Nam Sông Hậu kết nối với các chuỗi logistics đang triển khai tại với các cảng biển trực thuộc Công ty. Cảng Sóc Trăng đóng vai trò quan trọng là trung tâm thu gom hàng hóa tại khu vực thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, một phần các tỉnh Hậu Giang, Bạc Liêu và Cà Mau để chuyển về các bến cảng biển trực thuộc Cảng Cần Thơ hoặc các cảng biển đối tác tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Cái Mép Vũng Tàu.

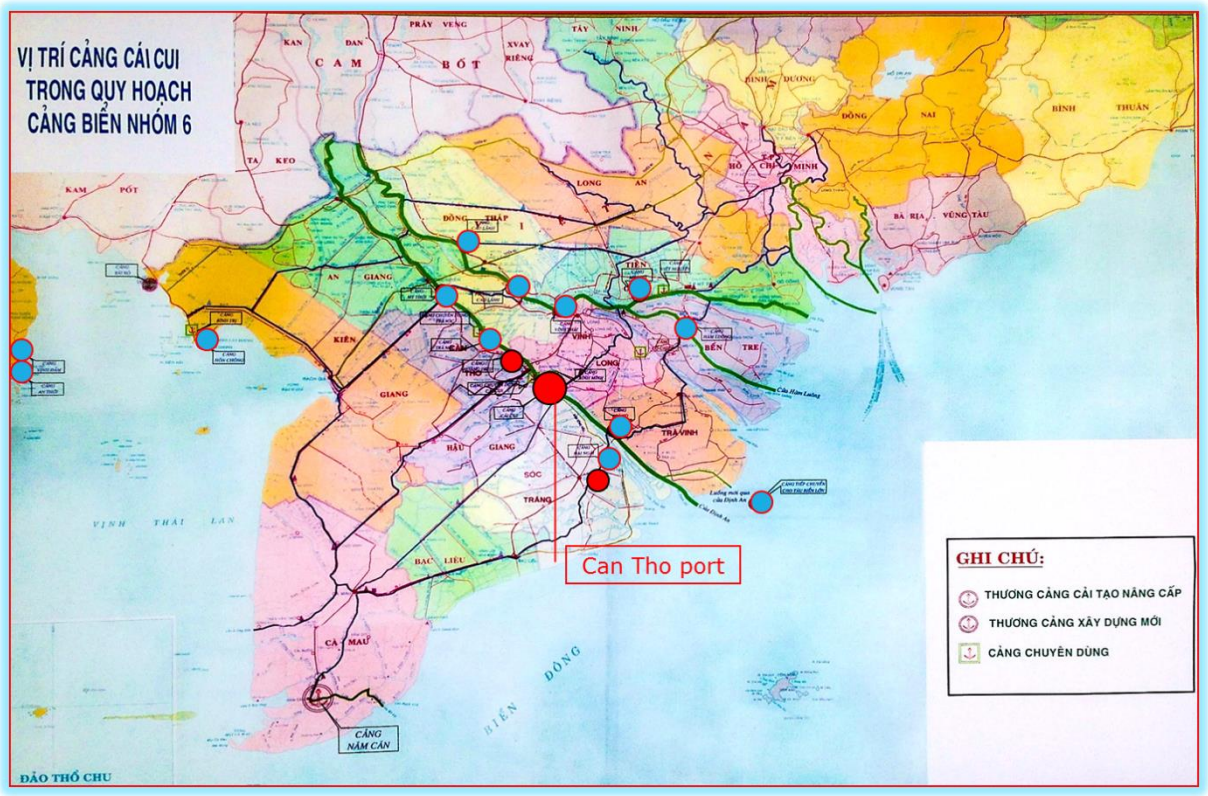

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

3.1. Mô hình quản trị/ Governance model.

Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị bao gồm:

- Đại Hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (Chủ tịch và các thành viên HĐQT);
- Ban điều hành (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng);
- Ban Kiểm soát (Trưởng ban và các thành viên BKS);
- Phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Kinh doanh Khai thác, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Tổ chức - Nhân sự, Phòng Kỹ thuật.
- Các đơn vị trực thuộc.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY

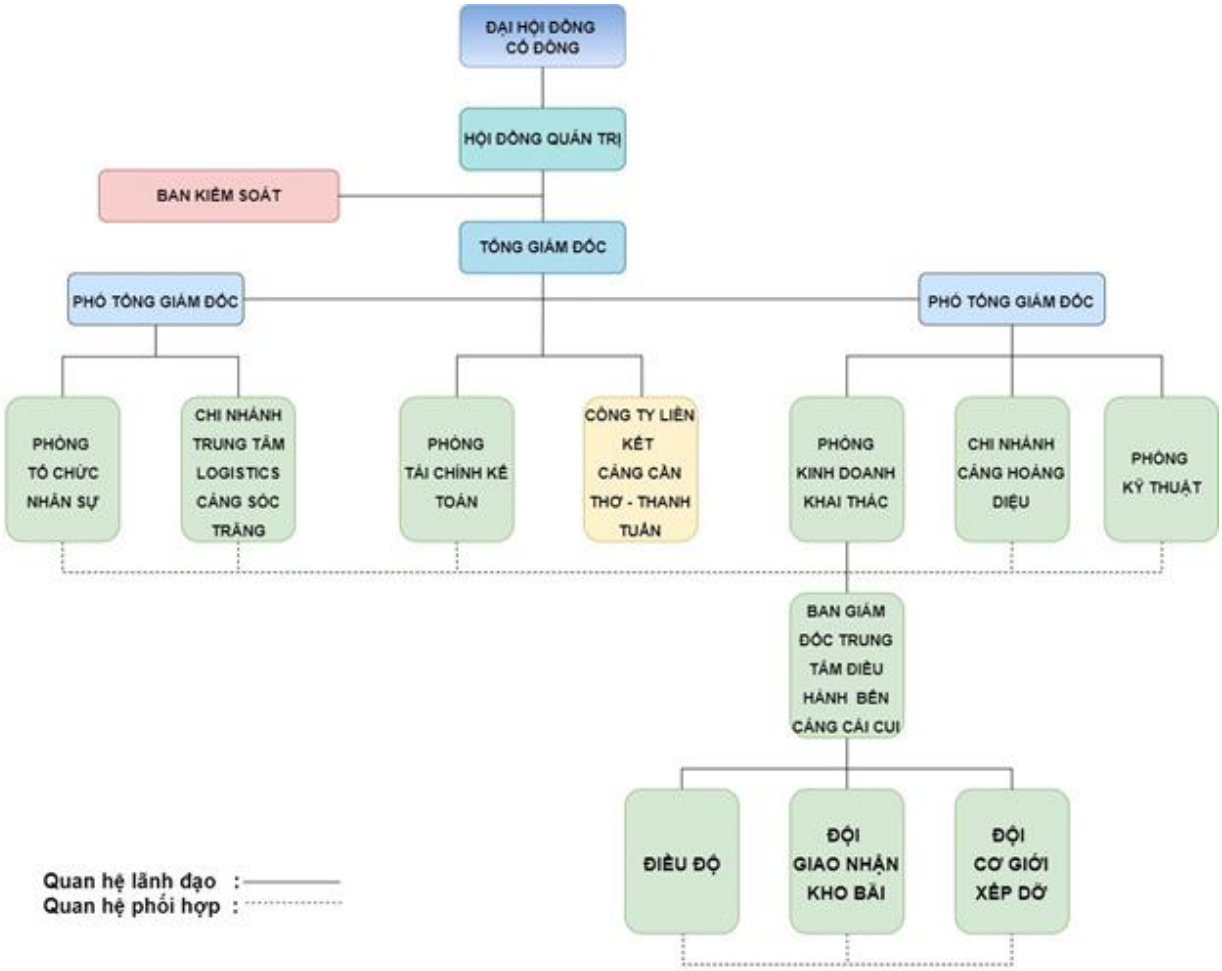

3.2. Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:

- Công ty con: Không có.

- Công ty liên kết:

CÔNG TY TNHH CẢNG CẦN THƠ – THANH TUẤN

Giấy CNĐKKD số: 2100420844 do Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 02/08/2014, thay đổi lần 2 ngày 04/06/2014.

Địa chỉ: Hương lộ 81, ấp Cồn Ông, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 0743 852822 Fax: 0743 852585

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Giá trị phần vốn góp: 10.000.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 50%

Giá trị đầu tư: 4.497.251.573 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa

- Các chi nhánh trực thuộc Công ty:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu	27 Lê Hồng Phong, P. Trà An, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm logistics Cảng Sóc Trăng	272 Cao Thắng, Khóm 6, Phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

Nhiệm vụ

Phát triển bền vững như cảng chiến lược quốc gia tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, trở thành nhà cung cấp dịch vụ cảng biển, logistics tốt nhất vùng hạ lưu sông Mekong và là đối tác thành công của khách hàng.

Mục tiêu

➢Cải tiến không ngừng các tiêu chuẩn dịch vụ so với các cảng khác trên vùng hạ lưu sông Mekong và trong khu vực.

➢Luôn quan tâm đến nhu cầu khách hàng và cung cấp các giải pháp dịch vụ tốt nhất giúp khách hàng thành công.

➢Xây dựng đội ngũ nhân lực thành công thông qua văn hóa doanh nghiệp, sự tôn trọng, nuôi dưỡng tài năng và hỗ trợ lẫn nhau.

➢Gắn sự phát triển của cảng với việc thúc đẩy sự phát triển bền vững của môi trường sống và cộng đồng xung quanh cảng.

4.1. Các mục tiêu đối với môi trường

❖ Công ty luôn chú trọng vấn đề về môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh, tăng cường thực hiện nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty thường xuyên tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng của CBNV, bảo vệ môi trường chống biến đổi khí hậu.

❖ Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng sạch và các vật liệu tiết kiệm năng lượng.

❖ Bên cạnh lợi ích chung của Cảng Cần Thơ, Công ty luôn đẩy mạnh vai trò, đóng góp đối với lợi ích của cộng đồng nhằm góp phần vào sự phát triển chung của xã hội.

❖ Đánh giá định kỳ việc xả thải để có biện pháp xử lý kịp thời và giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Về hoạt động khai thác cảng

❖ Phát triển Cảng Cái Cui thành cảng biển tổng hợp trung tâm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long với hạ tầng kho bãi, trang thiết bị, công nghệ quản lý hiện đại. Trong khi đó, Cảng Hoàng Diệu tập trung phát triển, khai thác các loại hàng bao, hàng rời, hàng thiết bị, hàng bách hóa,... kết hợp với các chi nhánh, Cảng sông Sóc Trăng, trạm đại diện tại Duyên Hải (Trà Vinh), Vàm Cái Sắn (Thốt nốt), tạo thành một hệ thống các bến cảng, phục vụ cho nhu cầu của khách hàng, thực hiện nhiệm vụ kinh tế, chính trị cho sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

❖ Triển khai phát triển đồng bộ cảng biển với cơ sở hạ tầng kết nối cảng và dịch vụ sau cảng; nâng cao chất lượng dịch vụ logistics phục vụ vận tải thuận lợi, tổ chức hiệu quả quá trình vận tải trong khu vực.

Về đầu tư

Công ty tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ ở hai Cảng Hoàng Diệu và Cái Cui nhằm phát huy tối đa vị thế Công ty tại khu vực. Tìm kiếm đối tác thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư, nâng cao năng lực bốc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hàng hải.

Về tài chính

Thi hành các chính sách tiết kiệm chi phí, hạ giá thành dịch vụ nhằm tăng tính cạnh tranh và tăng lợi nhuận cho Công ty, tận dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có, hạn chế tối đa việc đi vay, quản lý chặt chẽ các chính sách công nợ, thu hồi vốn giảm thiểu rủi ro hoạt động cho Công ty.

Về nhân sự

❖ Nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn, tay nghề cho người lao động nhằm đáp ứng các đòi hỏi bức thiết của thị trường trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao, phục vụ cho việc định hướng kinh doanh, phát triển sản xuất của Công ty.

❖ Từng bước trẻ hóa nguồn nhân lực, đổi mới chính sách đãi ngộ nhằm thu hút và giữ chân nhân tài, kết hợp tăng cường đào tạo, đặc biệt là đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, công nghệ để nâng tầm nguồn lực, đáp ứng tiêu chuẩn trong tình hình mới.

5. Các rủi ro/ Risks:

Rủi ro về kinh tế

Với đặc thù kinh doanh liên quan đến hoạt động cảng biển, CTCP Cảng Cần Thơ sẽ không tránh khỏi những tác động của nền kinh tế đến hoạt động kinh doanh của mình.

Chính vì thế đây là rủi ro không thể không nhắc đến trong quá trình hoạt động của Doanh nghiệp.

❖ Tốc độ tăng trưởng GDP: Tình hình kinh tế thế giới gần đây đã có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với các giai đoạn trước và được dự đoán sẽ dần ổn định trở lại trong tương lai. Trong bối cảnh phục hồi của nền kinh tế chung, GDP Việt Nam đã tăng trưởng 7.08% so với năm 2017, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6,7%. Riêng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 17,8% so với năm trước, đây vừa là động lực, vừa là một cơ hội lớn cho Công ty trong năm 2019 khi việc hội nhập kinh tế trở nên phổ biến.

❖ Lãi suất: Trong quá trình hoạt động kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh mà mỗi doanh nghiệp sẽ có cơ cấu vốn khác nhau nhưng phần lớn các doanh nghiệp sẽ vay vốn từ ngân hàng và biến động lãi suất ngân hàng sẽ có những ảnh hưởng nhất định. Với đặc thù ngành đòi hỏi đầu tư, mua sắm tài sản để đáp ứng điều kiện đấu thầu dự án trong khu vực thì rủi ro lãi suất là rủi ro mà Công ty thường gặp phải. Tuy nhiên, biến động lãi suất hiện nay được Nhà nước kiểm soát khá tốt trong biên độ nên sẽ không ảnh hưởng nhiều đến việc trả nợ, trả lãi của Công ty.

❖ Tỷ giá: Biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến các giao dịch ngoại tệ. Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng, đôi khi sẽ có dự án với các đối tác nước ngoài. Mặc dù các giao dịch ngoại tệ không diễn ra thường xuyên nhưng Công ty luôn quan tâm đến biến động tỷ giá để có các chính sách phù hợp nhằm tối thiểu chi phí.

Rủi ro đặc thù ngành

❖ Giá nguyên liệu: Bên cạnh hoạt động kinh doanh bốc xếp hàng hóa và dịch vụ lưu kho bãi, doanh thu của Công ty còn đến từ hoạt động vận tải và cung ứng xăng dầu. Đây là mặt hàng chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, nhưng lại phụ thuộc lớn vào biến động giá dầu thế giới. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến sự biến động giá cả nguyên liệu đầu vào nhằm cân bằng chi phí, có công tác đầu tư phù hợp đảm bảo triển khai các dự án một cách tốt nhất.

❖ Rủi ro cạnh tranh: Trong năm 2017, bên cạnh các thuận lợi từ hiệp định FTA, sự đầu tư mạnh mẽ của nguồn vốn ngoại, Việt Nam đã tăng cường mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới. Điều này vừa tác động tích cực lẫn tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của Công ty, đặc biệt sự gia tăng số lượng cảng mới và việc mở rộng thị trường, liên doanh với các đối tác nước ngoài, đặc biệt sự cạnh tranh về giá đã gây ra những áp lực khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro trên, Công ty luôn cố gắng tập trung tìm kiếm thêm khách hàng mới và mở rộng thị trường để cạnh tranh toàn diện với các doanh nghiệp trong và ngoài nước Chính sách xuất nhập khẩu: Các chính sách thuế, phí hải quan, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chính sách kiểm dịch, kiểm tra an toàn vệ sinh và các chính sách quản lý đặc thù từng loại hàng hóa trong từng thời kỳ sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như lợi nhuận của Công ty, nhất là trong giai đoạn hội nhập như hiện nay, việc nới lỏng hoặc thắt chặt chính sách kiểm soát tái xuất đặc biệt có những yêu cầu kiểm tra khắt khe, ảnh hưởng lớn đến lượng hàng thông

quan qua Cảng và đặc biệt với dịch vụ container lạnh có thời gian không linh hoạt và chi phí bảo quản, lưu kho cao. Vì vậy, việc theo sát và cập nhật thông tin các chính sách mới được Công ty chủ động và thay đổi phù hợp theo từng thời điểm kinh doanh.

❖ Thời tiết: Việc vận chuyển hàng hóa qua Cảng chịu tác động khá lớn từ thời tiết, đặc biệt khi khu vực hoạt động xảy ra thiên tai, lũ lụt có thể khiến các hoạt động kinh doanh phải tạm ngưng, đồng thời gây khó khăn và thiệt hại cho các chuyến vận chuyển đang lưu thông và có thể ảnh hưởng tới các bên liên quan.

Rủi ro luật pháp

Với hoạt động kinh doanh đặc thù là khai thác cảng biển, Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Quy hoạch phát triển ngành cảnh biển của Chính phủ cũng như thành phố Cần Thơ. Vì thế việc cập nhật thay đổi chính sách nhằm thích ứng kịp thời luôn được Công ty chú trọng, nhất là trong giai đoạn hiện tại, Nhà nước đang có những nỗ lực trong việc điều chỉnh các văn bản luật kế toán, thuế, chứng khoán để phù hợp với sự thay đổi trong quá trình phát triển.

Để giảm thiểu những rủi ro pháp lý và đảm bảo luôn tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, Ban lãnh đạo và các bộ phận chuyên môn của Công ty luôn nghiên cứu kỹ các vấn đề pháp lý và phổ biến đến cán bộ công nhân viên để tránh các vi phạm ảnh hưởng tài chính và uy tín của Công ty.

Rủi ro về môi trường

Trong hoạt động kinh doanh khai thác, các cảng biển đều phải đối mặt với các vấn đề môi trường nước do liên quan đến các hoạt động của tàu thuyền ra vào cảng, xây dựng sửa chữa bến cảng, đổ phế thải, ... Sự tăng trưởng của hoạt động kinh doanh cũng đồng thời ẩn chứa nguy cơ tăng ô nhiễm môi trường từ các bến cảng.

Nhận thức bản thân là Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, Công ty luôn chú trọng thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường trong việc đầu tư xây dựng, mở rộng hạ tầng cảng cũng như các hoạt động kinh doanh.

Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hoả hoạn, biến động chính trị xã hội, ... đều ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể là ảnh hưởng đến tiến độ dự án cũng như gây thiệt hại đến các hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Để hạn chế tối đa các thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn tham gia đóng phí bảo hiểm cho người lao động và tài sản tại các tổ chức bảo hiểm uy tín.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	T.hiện 2018	NĂM 2019			+/- TH 2019/2018	
				K.H	T.H	% H.T	Giá trị	Tỷ lệ
A	SẢN LƯỢNG							
1	Hàng thông qua	TTQ	1.692.340	2.076.354	2.011.706	96,89%	319,366	18,87%
	Trong đó Container	Nghìn TEUS	12,79	15,15	16,77	110,69%	3,98	31,10%
2	Xăng dầu	Lít	1.043.211	1.010.000	983,965	103,29%	-59,246	-5.68%
B	TÀI CHÍNH							
1	Doanh thu	Tr đồng	98.973	119.000	125.023	105,06%	26,050	26,32%
2	Chi phí	"	105.850	114.000	121.076	106,21%	15.226	14,39%
3	Lợi nhuận	"	-6.876	5.000	3.947	78.94%		
4	Ebitda	"		31.671	20.038	63.23%		
C	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	Tr đồng	13.133	15.900	9.400	59,12%	-3.733	-28,42%
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng	"	6.139	7.300	1.800	24,66%	-4.339	-70,68%
2	Đầu tư phương tiện, thiết bị	"	6.994	8.600	7.600	88,37%	606	8,66%

Tổng kết năm 2019, sản lượng thông qua các bến cảng trực thuộc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ đạt 2.011.706 tấn, tăng trưởng 18,77% so với năm 2018 và đạt 96,89% Kế hoạch năm 2019; tuy nhiên, doanh thu của Cảng Cần Thơ có tốc độ tăng trưởng mạnh hơn, tăng trưởng 26,32% so với năm 2018, đạt 125,018 tỷ đồng; đạt 105,06% kế hoạch năm 2019. Bên cạnh đó, lợi nhuận gộp tăng 3.141,08% so với năm 2018, đạt 3.566 triệu đồng; tuy nhiên đơn vị chỉ đạt 71,32% kế hoạch lợi nhuận năm 2019.

Ngoài ra, hoạt động chính của Cảng Cần Thơ trong năm 2019 không có sự thay đổi nhiều so với 2018, mảng cung cấp dịch vụ vẫn là mảng chính, chủ yếu đến từ việc kinh doanh khai thác cảng, ngoài ra, mảng cung cấp dịch vụ xếp dỡ ngoài cảng, các dịch vụ hàng hải, kinh doanh xăng dầu và mua bán hàng hóa cũng góp phần vào doanh thu chung của công ty.

Công ty trong năm cũng đã kiểm soát tốt mức chi phí hoạt động của mình, tỉ lệ chi phí trên doanh thu của đơn vị năm 2019 giảm -2,74% so với năm 2018.

2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and Human resource

2.1. Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	8.259.200	29%
2	Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc	2.300	0,01%
3	Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc	3.200	0,01%
4	Lâm Trúc Sơn	Kế toán trưởng	2.600	0,01%

SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

1. Ông Nguyễn Văn Phương – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
Năm sinh	11/02/1966
Nơi sinh	Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển, Trung cấp Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	8.259.200
2. Ông Lê Tiến Công – Phó Tổng Giám đốc	
Năm sinh	10/12/1971
Nơi sinh	Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	2.300
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
3. Ông Tạ Khả Duy – Phó Tổng Giám đốc	

Năm sinh	22/05/1963
Nơi sinh	Hưng Yên
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	3.200
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
4. Ông Lâm Trúc Sơn – Kế toán trưởng	
Năm sinh	03/03/1967
Nơi sinh	Sóc Trăng
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	2.600
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành/ Changes in the Board of Management:

Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	Trình độ trên Đại học	5	2,91%
2	Trình độ Đại học	83	46,51%
3	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp	9	6,98%
4	Công nhân kỹ thuật	61	37,21%
5	Trình độ khác	11	6,40%
6	Tổng cộng	172	100%

2.4. Chính sách đối với người lao động

Chính sách nhân sự

- Tài sản lớn nhất của công ty là con người, vì vậy cảng luôn ghi nhận đóng góp của CBNV vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của cảng, đồng thời luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về sử dụng lao động và đảm bảo đầy đủ quyền lợi của người lao động

- Ngoài ra, tạo điều kiện cho các cán bộ trẻ được rèn luyện và trải nghiệm thực tế, hiểu biết sâu rộng về hoạt động kinh doanh, giá trị cốt lõi công ty để chuẩn bị nguồn lực cho các vị trí lãnh đạo và quản lý cấp cao và cấp trung. Trong năm 2019, Cảng Cần Thơ đã thực hiện đánh giá, lựa chọn quy hoạch 19 cán bộ có đủ đức, đủ tài vào các vị trí Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán Trưởng, Trưởng-Phó phòng, Giám đốc, Phó Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc giai đoạn 2021-2026.

Chính sách tiền lương

Công ty luôn chú trọng xây dựng chính sách đãi ngộ theo hướng cạnh tranh, đảm bảo thu nhập tương xứng với kết quả công việc, giá trị đóng góp cho cảng và công bằng và minh bạch. CBNV sẽ được đánh giá thường xuyên và công bằng dựa trên tiêu chí "Làm nhiều – Hưởng nhiều

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

3.1. Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:

Trong năm 2019, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã đầu tư các hạng mục sau:

- Mua 01 cần cẩu có sức nâng 60-90 tấn;
- Xây dựng nhà vệ sinh công nhân và khách hàng;
- Mua 01 máy bơm cứu hỏa PCCC;
- Đóng mới 02 sà lan mặt bằng 400-600 tấn;
- Đầu tư hệ thống PCCC cầu tàu số 1, 2 và thẩm định hệ thống PCCC các kho;
- Mua 02 băng tải.

Tổng mức đầu tư là: 9.400.000.000 đồng

3.2. Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:

Cảng Cần Thơ đầu tư góp vốn tại liên doanh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn chiếm 50% vốn điều lệ công ty với tổng số tiền 4.497.251.573 đồng. Năm 2019, hoạt động của liên doanh Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn đã chia lãi về cho Cảng Cần Thơ 1.572.522.000 đồng tăng 62% so với cùng kỳ.

Hoàn thành công tác chuyển đổi tên người đại diện góp vốn của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại liên doanh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn từ ông Phan Thành Tiến sang ông Nguyễn văn Phương.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

4.1. Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Tr. Đồng	380.620	373.585	(2%)
Doanh thu thuần	Tr. Đồng	96.803	113.790	18%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. Đồng	(7.497)	(4.926)	(34%)
Lợi nhuận khác	Tr. Đồng	618	8.873	1.336%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	(6.877)	3.947	157%
Lợi nhuận sau trước thuế	Tr. Đồng	(6.877)	3.947	157%

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,18	4,26
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,16	4,19
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	32,56	30,07
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	48,28	43,33
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	105,27	88,13
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,25	0,30
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	3,47
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-	1,51
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-	1,05
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-	-

Khả năng thanh toán:

Các hệ số về khả năng thanh toán của đơn vị trong năm 2019 đều tăng so với năm 2018. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,18 lần lên 4,26 lần; hệ số thanh toán nhanh từ 1,16 lần lên 4,19 lần. Nguyên nhân là do trong năm 2019, sau khi xử lý khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương đúng với thỏa thuận và được miễn giảm 50% nợ lãi, chỉ tiêu nợ phải trả giảm so với năm trước. Chỉ số thanh toán ngắn hạn ở mức lớn hơn 1 cho thấy hiện tại khả năng trả nợ của công ty vẫn còn ở mức tốt, chỉ tiêu này của năm 2019 tăng khá nhiều so với năm trước cũng thể hiện khả năng trả nợ của công ty có sự cải thiện đáng kể. Ngoài ra, chỉ số thanh toán nhanh nhỏ hơn chỉ số thanh toán ngắn hạn nhưng mức chênh lệch không nhiều (4,19<4,26) cũng cho thấy rằng tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp không phụ thuộc quá nhiều vào hàng tồn kho

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong năm đều thay đổi so với năm 2018. Tuy nhiên mức thay đổi này không nhiều, Hệ số nợ/Tổng tài sản giảm từ 32,56% xuống còn 30,07% và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 48,28% xuống còn 43,33%. Tài sản của cảng Cần Thơ phần lớn được tài trợ từ nguồn vốn chủ sở hữu, trong năm 2019 cũng không tiến hành vay thêm nợ để đầu tư, mua sắm tài sản.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu đánh giá năng lực hoạt động năm 2019 của công ty đều có thay đổi so với năm 2017. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho giảm từ mức 105,27 vòng xuống còn 88,13 vòng. Do hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ cảng biển nên hệ số vòng quay hàng tồn kho của công ty cũng không mang nhiều ý nghĩa trong việc đánh giá năng lực hoạt động. Chỉ tiêu Doanh thu thuần/Tổng tài sản vẫn ở mức 0,3; điều này cho thấy trong năm, 1 đồng tài sản của công ty có thể tạo ra 0,3 đồng doanh thu. Do đặc thù ngành nghề kinh doanh, khoản mục đầu tư cho tài sản thường có giá trị lớn nên vòng quay tổng tài sản của công ty thường không cao.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của công ty năm 2019 tăng nhiều so với năm 2018. Các hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần, Vốn chủ sở hữu và Tổng tài sản lần lượt ở mức 3,47; 1,51; 1,05 cho thấy công ty đã bắt đầu ổn định được hoạt động và kinh doanh có lãi.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

5.1. Cổ phần/Shares:

Vốn điều lệ: 284.800.000.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 24.480.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu thường: 24.480.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 24.480.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

5.2. Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2019

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	102	28.467.000	99,95
	- Tổ Chức	02	28.210.500	99,05
	- Cá nhân	100	256.500	0,90
2	Cổ đông nước ngoài	08	13.000	0,05
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	08	13.000	0,05
	Tổng cộng	**110**	**28.480.000**	**100**

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/ cá nhân	*Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD*	*Địa chỉ*	*Số lượng cổ phần*	*Tỷ lệ/VĐL (%)*
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	0100104595	Số 01 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	28.208.500	99,05

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Không.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: Không.

5.5. Các chứng khoán khác/ Other securities: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

- Năm 2019, vào những tháng cao điểm lượng mưa và thủy triều tăng cao, để đảm bảo các hệ thống thoát nước, cống rãnh, kho bãi không bị ngập, ứ đọng gây hư hỏng hàng hóa, đơn vị thực hiện triển khai công tác quản lý vệ sinh môi trường như: thường xuyên kiểm tra và thực hiện việc nạo vét hố ga, khơi thông đường cống rãnh, hệ thống thoát nước bên trong và khu vực xung quanh Cảng, các công trình phụ của nhà văn phòng làm việc. Ngoài ra còn thuê lao động công nhật thường xuyên quét, dọn vệ sinh đảm bảo giữ vệ sinh cho cầu cảng, đường nội bộ và quy định các bộ phận tự giữ gìn vệ sinh cho phòng, ban của mình. Hướng dẫn cán bộ chuyên trách ATLĐ, mạng lưới ATVSV, trưởng kho đảm bảo vệ sinh kho, bãi, hiện trường sản xuất.

- Giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu gây hại cho môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật về môi trường, về an toàn – phòng tránh cháy nổ nhằm đảm bảo hạn chế những thiệt hại về người và tài sản trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra việc giữ gìn môi trường làm việc trong phạm vi Cảng; sắp xếp phòng làm việc gọn gàng, sạch sẽ, khoa học, thông thoáng, văn minh, hiện đại; phát quang cây cối làm cỏ sạch sẽ, trồng thêm cây xanh cải thiện mỹ quan môi trường làm việc và hoạt động khác nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CNVCLĐ trong đơn vị

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

Hoạt động kinh doanh tại cảng bao gồm bốc xếp, vận tải, lưu và cho thuê kho bãi, cung ứng xăng dầu,… nên nguồn nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu là xăng, dầu, nhớt dùng cho vận hành máy móc thiết bị và công cụ dùng để vệ sinh nhà kho, bến bãi được công ty chú trọng quản lý và bảo quản lưu trữ tại các bồn chứa, kho chứa theo đúng quy định nhằm đảm bảo tiết kiệm tốt nhất chi phí hoạt động.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

Điện năng được Công ty sử dụng cho việc chiếu sáng tại các kho, điện văn phong, hệ thống làm mát. Các nguồn nguyên liệu hóa thạch như xăng, dầu, nhớt được dùng để vận hành các máy móc, thiết bị chuyên dùng. Quá trình sử dụng các năng lượng này là nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. Do đó, Công ty đã có những chính sách hợp lý như: đưa ra định mức sử dụng, chi phí sử dụng phù hợp, tìm kiếm các loại năng lượng sạch, thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu việc sử dụng các loại năng lượng này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

Công ty sử dụng nước để phục vụ cho việc vệ sinh kho bãi, sinh hoạt tại văn phong, do đó chi phí phát sinh từ việc sử dụng tài nguyên này là không đáng kể.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:

Công tác bảo vệ môi trường được Cảng Cần Thơ thực hiện rất nghiêm chỉnh. Trong năm 2019, Công ty không có trường hợp nào vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

Chính sách đãi ngộ nhân sự:

Ý thức được con người là nhân tố nền tảng cho sự phát triển bền vững của công ty, Cảng Cần Thơ có các chính sách thu hút nhân tài để ngày càng có nhiều nhân viên giỏi, công nhân lành nghề làm việc cho Công ty. Đối với đội ngũ nhân viên lâu năm, Công ty thường xuyên tổ chức bầu chọn nhưng công nhân có đủ trình độ, năng lực vào các chức vụ lãnh đạo Công ty. Bố trí các cán bộ quản lý phân xưởng vừa giỏi chuyên môn vừa có trình độ quản lý trên cơ sở qui định rõ trách nhiệm và quyền hạn một cách cụ thể.

Chính sách lương thưởng:

Áp dụng chính sách lương theo kết quả sản xuất kinh doanh nhằm động viên, khuyến khích người lao động, trên cơ sở đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của các đơn vị cơ sở. Tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên năng động và sáng tạo, phát huy tính tích cực trong kinh doanh, thực hiện hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty. Có chính sách trả lương xứng đáng với cống hiến để thu hút nhân tài ở những vị trí tác nghiệp và quản lý then chốt cần thiết.

Chính sách đào tạo:

Khi mới được tuyển dụng làm việc tại Cảng Cần Thơ, người lao động đều được đào tạo những vấn đề cơ bản về quy trình làm việc của bộ phận ứng tuyển và hoạt động chung của toàn công ty. Công nhân có đủ năng lực sẽ được công ty tạo điều kiện cập nhật thêm kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty. Công tác đào tạo nguồn lực và bồi dưỡng trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý được tăng trường, nâng cao tinh thần trách nhiệm thông qua chính sách trả lương và khen thưởng hợp lý.

Chính sách phúc lợi:

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm theo đúng quy định của Nhà nước đối với người lao động đã ký hợp đồng từ 01 năm trở lên. Đối với các trường hợp cán bộ công nhân viên có thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản hoặc trong thời gian điều trị do tai nạn lao động thì ngoài các chế độ do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả, Cán bộ công nhân viên con được Công ty hỗ trợ một phần nhằm chia sẻ và giảm bớt gánh nặng tài chính. Vào những dịp đặc biệt như lễ Tết, Công ty con tổ chức tặng quà cho cán bộ công nhân viên tại các chi nhánh và tại nơi làm việc của người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Ngoài mục tiêu chủ yếu là lợi nhuận của Công ty, Cảng Cần Thơ thường xuyên duy trì các hoạt động vì cộng đồng nhằm chia sẻ một phần lợi nhuận của Công ty cho sự phát triển của xã hội bằng các hoạt động thiết thực như: quyên góp quỹ hỗ trợ, thăm hỏi và trao quà cho các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn trong địa bàn hoạt động của Công ty,…

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

Hiện tại, Công ty không có các dự án phát triển thị trường vốn xanh, tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động Cảng Cần Thơ sẽ chú trọng đến công tác sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế tối đa việc gây ô nhiễm cho môi trường trong quá trình hoạt động. Đồng thời, Cảng Cần Thơ sẽ tham gia tích cực các hoạt động tuyên truyền, khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, tài trợ các dự án nghiên cứu phát triển năng lượng xanh theo chính sách chung của đất nước.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results:

Qua một năm nỗ lực phấn đấu của Ban lãnh đạo Công ty cùng với sự đóng góp của tập thể CBCNV, người lao động đã giúp Cảng Cần Thơ vượt qua những khó khăn, thách thức: vừa tập trung bảo đảm ổn định sản xuất kinh doanh, vừa tiến hành điều chỉnh và khắc phục dần những hạn chế tồn tại cho phù hợp với mô hình quản trị mới mà mục tiêu tái cơ cấu đề ra. Tuy thành quả đạt được còn khá khiêm tốn, chỉ mới đạt ở mức tăng trưởng nhẹ so với thực hiện năm trước. Nhưng điều quan trọng hơn là Công ty đã xác định được hướng đi đúng và những giải pháp cần phải tiếp tục thay đổi, điều chỉnh, vận hành ngày càng nâng cao hơn để thích nghi với môi trường kinh doanh và phù hợp với điều kiện thực tế của cảng. Từ đó, tạo nền tảng vững chắc cho việc chuẩn bị các nguồn lực để thực hiện và hoàn thành các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2020 và những năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ qua nhiều năm hình thành và phát triển đã tạo dựng được tên tuổi trong ngành khai thác cảng, các khách hàng truyền thống của Công ty bao gồm nhiều loại hình doanh nghiệp đa dạng trong nước và nước ngoài, là đơn vị duy nhất có khả năng bốc dỡ các thiết bị siêu trường, siêu trọng tại Đồng bằng sông Cửu Long, đơn cử như: dự án cầu Cần Thơ, dự án nhà máy điện gió Bạc Liêu, dự án nhà máy khí điện đạm Cà Mau, dự án nhà máy Nhiệt điện Ô Môn,…

Năm 2019, Công ty đã gặp những khó khăn về biến động giá trên thị trường, thay đổi chính sách hải quan của Nhà nước, tình hình thời tiết, quá trình tái cơ cấu... . Tuy nhiên, Công ty đã cố gắng hoàn thành mục tiêu năm 2019, đồng thời, các chỉ tiêu kinh doanh tăng trưởng khá khả quan, cụ thể:

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	T. hiện 2018	NĂM 2019			+/- TH 2019/2018	
				K.H	T.H	% H.T	Giá trị	Tỷ lệ
1	*Sản lượng*							
	Hàng thông qua	*TTQ*	*1.692.340*	*2.076.354*	*2.011.706*	*96.89%*	*319.366*	*18.87%*
	Trong đó Container	*Nghìn TEUS*	*12,79*	*15,15*	*16,77*	*110.69%*	*3,98*	*31.10%*
2	*Doanh thu*	*Tr đồng*	*98.973*	*119.000*	*125.023*	*105,06%*	*26.050*	*26.32%*
3	*Chi phí*	*“*	*105.850*	*114.000*	*121.076*	*106,21%*	*15.226*	*14,39%*
4	*Lợi nhuận*	*“*	*-6.876*	*5.000*	*3.947*	*78,94%*		
5	*Ebitda*	*“*		*31.671*	*20.038*	*63,23%*		

Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Cần Thơ năm 2019 có sự tăng trưởng so với năm 2018 (tăng 18,87%) trong bối cảnh doanh nghiệp gặp cạnh tranh mạnh về thị trường và sự thay đổi sản lượng thông qua từ nhóm khách hàng chủ lực của cảng. Sản lượng hàng hóa thông qua các bến cảng biển trực thuộc Công ty đều có sự tăng trưởng tốt, nhất là tại bến Cảng Cái Cui. Thị trường sản lượng tại Vàm Cái Sắn tiếp tục gặp nhiều khó khăn đối với mặt hàng gạo, clinker; tuy nhiên, mặt hàng gỗ lóng nhập khẩu đã phát triển trở lại với sản lượng khá ổn định đã bù đắp được sản lượng thiếu hụt do yếu tố thị trường và cạnh tranh. Sản lượng hàng hóa thông qua bến Cảng Sóc Trăng tiếp tục tăng trưởng tốt so với năm 2018.

Cơ cấu hàng hóa thông qua các bến cảng hầu hết đều có sự tăng trưởng tốt, nhất là các mặt hàng chủ lực; biến động trong cơ cấu mặt hàng là tương đối cao do nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan. Nhiều mặt hàng chủ lực của cảng có sự tăng trưởng tốt như container, clinker, phân bón, than đá và sắt thép; tuy nhiên, một số mặt hàng có sự suy giảm mạnh như hàng nông sản (tại Vàm Cái Sắn), thức ăn gia súc (tại Cảng Hoàng Diệu) và vật liệu xây dựng (tại Cảng Cái Cui) do các yếu tố thị trường (hàng hóa suy giảm, khách hàng di dời kho) và môi trường. Đứng trước biến động lớn của hàng hóa thông qua cảng, Cảng Cần Thơ đã nỗ lực tiếp thị, duy trì thị phần đối với các mặt hàng truyền thống của cảng; đeo bám và phát triển các mặt hàng có giá trị dịch vụ cao như hàng phân bón, sắt thép, container; đồng thời, phát triển các cung cấp các dịch vụ chuỗi logistics đến khách hàng để tạo nguồn doanh thu mới, bù đắp sự thiếu hụt doanh thu từ sản lượng suy giảm; đồng thời, rà soát tiết giảm các mặt hàng có sản lượng thông qua thấp nhưng sử dụng cơ sở hạ tầng kho, bãi nhiều. Cụ thể như sau:

a) Một số mặt hàng biến động sản lượng do yếu tố thị trường như:

- Mặt hàng thức ăn gia súc tại Cảng Hoàng Diệu cũng suy giảm mạnh do khách hàng đã chuyển hình thức nhập hàng về trực tiếp kho doanh nghiệp để tiết giảm chi phí và trả kho tại

cảng. Đây cũng là mặt hàng Cảng Cần Thơ đang điều tiết giảm để thu hồi hạ tầng phục vụ các mặt hàng có giá trị cao hơn như phân bón, kính.

- Mặt hàng thiết bị tiếp tục đà suy giảm nhẹ do các dự án nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu và Nhà máy Nhiệt điện Long Phú bị kéo dài tiến độ; đồng thời, các dự án khác như các dự án điện gió tiếp tục giãn tiến độ triển khai dự án sang năm 2020;

- Mặt hàng vật liệu xây dựng tại Cảng Cái Cui tiếp tục đà sản lượng thấp do các doanh nghiệp trạm trộn bê tông đang thực hiện di dời do không cải tạo được hệ thống đáp ứng yêu cầu môi trường. Ngoài ra, sản lượng vật liệu xây dựng tại Cảng Sóc Trăng tuy có sản lượng tốt vào các tháng đầu năm nhưng đã suy giảm mạnh vào nửa cuối năm 2019.

- Mặt hàng gạo tiểu ngạch có suy giảm nhẹ do thị trường Trung Quốc vẫn duy trì chính sách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc sản phẩm; thị trường xuất gạo đã chuyển từ xuất tiểu ngạch sang xuất chính ngạch; nên lượng hàng hóa xuất bằng tàu suy giảm mạnh, có ít tàu xuất trực tiếp, chủ yếu là hàng xuất bằng container (đây là các hình thức Cảng Cần Thơ chưa có thế mạnh do chưa có bến cứng và dịch vụ hải quan còn chưa linh động).

b) Các mặt hàng giảm do chia sẻ thị phần

Mặt hàng clinker tại Vàm Cái Sắn có sự suy giảm nhẹ do cạnh tranh từ Cảng Bảo Mai và yêu cầu cao của khách hàng về giá dịch vụ.

c) Một số mặt hàng tăng và mở ra các cơ hội thuận lợi

- Mặt hàng clinker và xỉ sắt tại Cảng Cái Cui phục vụ khách hàng Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang đã phát triển trở lại duy trì sản lượng cao hàng tháng; đồng thời sản lượng clinker tại khu vực bến Tây Đô cũng tăng trưởng tốt sau khi khách hàng mở rộng quy mô sản xuất. Đây là mặt hàng có tỉ trọng tăng trưởng cao nhất tăng trưởng 191.010 tấn (tương đương tăng trưởng 72,58%) so với năm 2018.

- Mặt hàng container tại các bến cảng đều có sự tăng trưởng tốt, cho thấy xu hướng khách hàng chuyển sang sử dụng mặt hàng này trong vận chuyển hàng hóa, nhất là hướng hàng nội địa và xuất khẩu. Tại bến Cảng Cái Cui có sự tăng trưởng hàng container tốt nhất (tăng 2.227 TEU tương đương 21,57% so với năm 2018) do sự tập trung nhóm khách hàng gạch nhập hàng bằng container. Trong kỳ, hầu hết khách hàng gạch đều có sự tăng trưởng sản lượng, ngoài ra, có thêm khách hàng mới với mặt hàng này là khách hàng Viglacera. Tại Cảng Sóc Trăng tiếp tục phát triển tốt chuỗi container rơm qua Cảng Sóc Trăng đi Nghệ An (tăng trưởng 622 TEU tương đương 661,7% so với năm 2018).

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt trong năm 2018, sang năm 2019 sản lượng mặt hàng phân bón tiếp tục có sự tăng trưởng tốt (tăng 13,48% so với năm 2018) do Cảng Cần Thơ đã giữ vững và tiếp tục tạo lòng tin cho các khách hàng truyền thống để TRACO, BACONCO; đồng thời, Cảng Cần Thơ đã ký kết được hợp đồng với các khách hàng lớn trong vùng là Đạm Cà Mau, Đạm Phú Mỹ. Qua đó, tiếp tục triển khai thực hiện tốt định hướng phát triển bến cảng Hoàng Diệu thành Tổng kho phân bón khu vực ĐBSCL.

- Mặt hàng sắt thép, phế liệu thông qua toàn cảng tiếp tục có sự tăng trưởng tốt (tăng 12,24% so với năm 2018), nhất là mặt hàng sắt thép thành phẩm xuất đi Campuchia Cảng Cần Thơ. Cảng Cần Thơ vẫn duy trì vị trí gần như độc quyền trong cung cấp dịch vụ nhập

hàng hóa của khách hàng Thép Tây Đô, phát triển tốt các bãi hàng phế liệu tại Cảng Cái Cui. Tuy nhiên vào nửa cuối năm 2019 mặt hàng phế liệu có sự suy giảm mạnh do các đơn vị nhà máy sản xuất thép thay đổi phương thức thu mua nguyên liệu đầu vào. Dẫn đến sản lượng phế liệu có sự suy giảm do khách hàng cung ứng phế liệu còn chậm trong việc thay đổi công nghệ, cũng như tính toán lại giá thành dịch vụ. Ngoài ra, khách hàng Thép Tây Đô đã tái cơ cấu hoạt động cung ứng nguồn nguyên liệu, chuyển sang đơn vị ngoài; điều này dẫn đến việc chuyển giao hợp đồng thuê bãi từ Thép Tây Đô sang công ty mới mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ nhập xuất hàng thông qua cảng.

- Mặt hàng than đá có sự tăng trưởng mạnh tại khu vực Cảng Cái Cui phục vụ hoạt động của Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải; qua đó, bù đắp cho sản lượng bị suy giảm tại Cảng Hoàng Diệu (do khách hàng gặp khó khăn về đầu ra) và kéo sản lượng mặt hàng than đá toàn cảng tăng trưởng 17,06% so với năm 2018.

- Hoạt động gom vét than tại nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải năm 2019 tiếp tục duy trì ổn định sau khi Cảng đấu thầu thành công gói thầu gom vét than tại cầu cảng số 1 thay thế cho hợp đồng gom vét tại cầu cảng số 02 đã hết hợp đồng. Tổng sản lượng gom vét than năm 2019 đạt hơn 3,4 triệu tấn tăng trưởng 49,28% so với cùng kỳ 2018; qua đó, tạo nguồn doanh thu ổn định cho cảng.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

2.1. Tình hình tài sản/ Assets

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**Tr.đồng**	**60.670**	**69.280**	**14%**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	Tr.đồng	9.131	15.587	71%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tr.đồng	8.787	8.787	0%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	Tr.đồng	36.811	42.365	15%
IV. Hàng tồn kho	Tr.đồng	720	1.071	49%
V. Tài sản ngắn hạn khác	Tr.đồng	5.220	1.471	(72%)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**Tr.đồng**	**319.950**	**304.305**	**(5%)**
I. Các khoản phải thu dài hạn	Tr.đồng	120	120	0%
II. Tài sản cố định	Tr.đồng	237.752	222.964	(6%)
III. Bất động sản đầu tư	Tr.đồng	-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	Tr.đồng	74.586	73.319	(2%)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	Tr.đồng	4.497	4.497	0%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
VI. Tài sản dài hạn khác	Tr.đồng	2.994	3.404	14%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**Tr.đồng**	**380.620**	**373.585**	**(2%)**

2.2. Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
I. Nợ ngắn hạn	**Tr.đồng**	**51.593**	**16.275**	**(68%)**
Phải trả người bán ngắn hạn	Tr.đồng	4.391	1.024	(77%)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Tr.đồng	10	90	800%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tr.đồng	967	864	(11%)
Phải trả người lao động	Tr.đồng	1.709	1.710	0%
Chi phí phải trả ngắn hạn	Tr.đồng	1.964	4.245	116%
Phải trả ngắn hạn khác	Tr.đồng	37.049	7.947	(79%)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Tr.đồng	5.496	221	(96%)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr.đồng	8	8	0%
II. Nợ dài hạn	**Tr.đồng**	**72.334**	**96.670**	**34%**
Phải trả dài hạn khác	Tr.đồng	21.192	21.453	1%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Tr.đồng	51.142	75.217	47%
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**Tr.đồng**	**256.693**	**260.640**	**2%**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**Tr.đồng**	**380.620**	**373.585**	**(2%)**

3. Những cải tiến trong năm 2019

- Ứng dụng phần mềm quản lý khai thác cảng, phương tiện xếp dỡ vận chuyển và kết nối giám sát hải quan điện tử (PL-COS và PL-PMS) góp phần hiệu quả cho công tác tổng hợp kết quả SXKD, báo cáo về cơ quan cấp trên, lập báo cáo kế toán thống kê được rút ngắn về mặt thời gian, từng bước chuyên sâu công tác phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh (tính hợp lý giữa Doanh thu – Chi phí – Lợi nhuận) góp phần vào quá trình kiểm soát thực hiện kế hoạch của Công ty

- Với phương châm nâng cao hiệu quả khai thác thiết bị, tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có của đơn vị, bộ phận kỹ thuật đã rà soát đánh giá lại ưu điểm và phân loại thiết bị để đáp ứng

cho từng loại hàng, đồng thời đánh giá, phân tích tiềm năng cơ cấu mặt hàng của từng chi nhánh, để từ đó có chiến lược luân chuyển thiết bị giữa các chi nhánh và phân bố thiết bị hợp lý.

- Đấu thầu thành công dự án gom vét than tại Nhà máy Nhiệt điện Duyên hải Trà Vinh.
- Tái cơ cấu thành công khoản nợ vay của Ngân hàng Viettin Bank Chi nhánh Chương Dương , đây là cơ sở để Cảng Cần Thơ có thể tiếp cận nhiều nguồn vốn cho hoạt động phát triển nguồn lực tài chính những năm tiếp theo.
- Liên kết với công ty Việt Nhật lắp đặt cần cẩu ray sử dụng điện phục vụ bốc xếp sang mạn hàng rời, có thể bốc xếp được một tàu container.
- Hợp tác đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống các kho tạo cơ hội thu hút khách hàng, góp phần tăng trưởng doanh thu.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2020 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	T.hiện 2019	Kế hoạch 2020	Tăng trưởng 2020/2019	
					Giá trị	Tỷ lệ
A	***SẢN LƯỢNG***					
1	*Hàng thông qua*	*TTQ*	*2.011.706*	*2.200.000*	*188.294*	*9,36%*
	Trong đó, Container	*TEUS*	*16.770*	*17.750*	*980*	*5,84%*
2	*Xăng dầu*	*Lít*	*983.965*	*1.222.000*	*238.035*	*24,19%*
B	***TÀI CHÍNH***					
1	*Doanh thu*	*Tr.đồng*	*125.023*	*126.000*	*977*	*0,78%*
2	*Chi phí*	*Tr.đồng*	*121.076*	*124.900*	*2.923*	*2,41%*
3	*Lợi nhuận*	*Tr.đồng*	*3.947*	*1.100*	*-2.847*	*-72,13%*
4	*Ebitda*	*Tr.đồng*	*20.038*	*19.923*	*115*	*0,57%*
C	***TỔNG MỨC ĐẦU TƯ***	***Tr.đồng***	***9.400***	***15.000***	***5.600***	***59,57%***
1	*Đầu tư cơ sở hạ tầng*	*Tr.đồng*	*1.800*	*5.500*	*3.700*	*205,56%*
2	*Đầu tư phương tiện, thiết bị*	*Tr.đồng*	*7.600*	*9.500*	*1.900*	*25,00%*

Với những mục tiêu được đặt ra trong năm 2020, để tiếp tục nâng cao hiệu hoạt động sản xuất kinh doanh, Cảng Cần Thơ thực hiện 05 giải pháp cơ bản trong tổng thể nhiều giải pháp để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như sau:

a) Giải pháp quản trị

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu bộ máy Cảng Cần Thơ để thống nhất mô hình với các cảng tương đồng về quy mô trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam; đồng thời tạo điều kiện thu gọn mô hình tổ chức và bộ máy nhân sự.

- Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các Quy chế, quy định hoạt động của Công ty; thúc đẩy ban hành các quy định, quy trình vận hành khai thác cảng kết hợp đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua việc xây dựng và triển khai chỉ tiêu KPI và BSC của doanh nghiệp.

- Tăng cường kỷ luật lao động, giữ vững tinh thần đoàn kết tập thể. Luôn quan tâm chăm lo đời sống và điều kiện làm việc của người lao động.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp thông qua việc:

+ Cải thiện môi trường làm việc theo hướng an toàn, khoa học; quan tâm nâng cao thu nhập, chế độ, chính sách đãi ngộ cho người lao động, nhất là các lao động chất lượng cao; xây dựng cơ chế và tạo động lực để người lao động chủ động tham gia đóng góp, cống hiến vì công ty và cho xã hội.

+ Xây dựng bộ tiêu chí ứng xử của người lao động trong quá trình làm việc, giao tiếp với khách hàng tại cảng và đến làm việc với khách hàng nhằm tạo ấn tượng về hình ảnh của cảng; thực hiện mục tiêu "*Mỗi người lao động là một nhà tiếp thị của công ty*".

+ Đưa các tiêu chuẩn giá trị cốt lõi: *"Kỷ luật, tận tâm, chuyên nghiệp, sáng tạo, đồng lòng"* vào các đánh giá chất lượng nguồn lao động của doanh nghiệp hàng tháng, quý năm. Định kỳ tổ chức tuyên dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể hoàn thành các tiêu chí đánh giá nêu trên.

+ Thường xuyên tuyên truyền các giá trị văn hóa doanh nghiệp: tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi,... đến mọi cán bộ, công nhân viên trong công ty và các đối tác, khách hàng của cảng thông qua nhiều hình thức như sổ tay, bản tin, brochure, website, các buổi Team-building, các hội thi thể thao, sáng tác,…

b) Giải pháp về kinh doanh - khai thác

- Xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh. Xác định nhóm các mặt hàng, khách hàng chủ lực có sản lượng lớn có nhu cầu sử dụng dịch vụ cảng để tập trung khai thác, xây dựng chính sách linh hoạt về giá cả với từng khách hàng tại từng khu vực khai thác để giữ vững thị phần; tập trung vào nhóm hàng có giá trị cao như thiết bị, container, phân bón, than đá, sắt thép, gạo xuất khẩu,....

- Khai thác hiệu quả tài sản: hệ thống kho, bãi, văn phòng và trang thiết bị xếp dỡ của doanh nghiệp để tạo nguồn doanh thu ổn định cho đơn vị. Tiếp tục triển khai chính sách hợp tác với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các đối tác để đầu tư kho, bãi. Xây dựng phương án khai thác dài hạn các phần đất tại vị trí thuận lợi, có giá trị thương mại cao như phần đất mặt tiền Cảng Hoàng Diệu nhằm mang lại nguồn doanh thu lớn hơn cho doanh nghiệp.

- Tiếp tục tăng cường công tác điều chuyển, tăng cường phương tiện thiết bị giữa các chi nhánh nhằm tận dụng tối đa năng lực phương tiện thiết bị.

- Phát huy hiệu quả các chương trình hợp tác với hãng tàu Vietsun như khai thác depot container tại Cảng Cái Cui, Cảng Hoàng Diệu và các khu vực tiềm năng khác để duy trì chuỗi dịch vụ container thông qua cảng; hợp tác khai thác cần cẩu chân đế 40 tấn tại Cảng Cái Cui.

- Phát triển mảng dịch vụ logistics của Trung tâm logistics Cảng Sóc Trăng nhằm hỗ trợ các cảng mở rộng chuỗi dịch vụ; trước mắt tập trung vào việc liên doanh liên kết khai thác dịch vụ vận tải đường bộ và đường thủy nội địa để bước đầu xây dựng thị trường trong điều kiện cảng chưa thể đầu tư đủ phương tiện vận tải.

- Tiếp tục phát triển mảng dịch vụ kinh doanh xăng dầu, nhớt, dịch vụ hàng hải; phát triển tại khu vực Cảng Sóc Trăng và mở rộng cung cấp dịch vụ các tại khu vực khai thác của cảng.

- Phát triển các dịch vụ mới cung cấp các sản phẩm thương mại có liên quan đến hoạt động của cảng như công cụ dụng cụ xếp dỡ.

- Đẩy mạnh công tác thị trường, công tác tiếp thị, xây dựng hệ thống thu thập, quản lý thông tin về khách hàng và các chuỗi logistics thông qua cảng và khu vực để tìm cách tiếp cận, tham gia cung cấp dịch vụ;

- Xây dựng đội Sales container của cảng kết hợp với các hãng tàu, forwarder để phát huy tối ưu lợi thế của việc hợp tác theo chuỗi để tiếp cận khách hàng

- Tăng cường kết nối, liên kết với các doanh nghiệp trong cùng hệ thống Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để thiết lập các chuỗi dịch vụ khép kín cho hàng hoá giao dịch tuyến vận tải Bắc – Nam mà nguồn hàng hoá thương mại có điểm đến và đi từ cảng Cần Thơ nói riêng và ĐBSCL nói chung.

- Tiếp tục triển khai tiếp thị để cung cấp các dịch vụ mới tại các bến cảng như: Dịch vụ đóng bao hàng rời, dịch vụ nhận uỷ thác giao nhận hàng hóa gửi kho cảng, từng bước đàm phán với khách hàng để cung cấp các dịch vụ tại kho cảng mà trước đây cảng không đủ điều kiện thực hiện.

- Xây dựng chiến lược thương hiệu, phát triển và mở rộng thị trường dịch vụ tại các địa bàn Duyên Hải Trà Vinh, Cảng Sóc Trăng và dịch vụ chuyển tải tại các khu vực khác.

- Tiếp tục phát huy thương hiệu trung tâm phân bón của Cảng Hoàng Diệu để tập trung tiếp thị khách hàng, xây dựng chuỗi dịch vụ tối ưu nhằm phát triển thành tổng kho phân bón phân phối cho toàn khu vực và gia công đóng bao tái xuất đi Campuchia.

- Tích cực tiếp thị, củng cố năng lực của đơn vị để tham gia đấu thầu hoặc cung cấp dịch vụ tại các nhà máy, công trình lớn trong khu vực ĐBSCL và cả nước. cung cấp dịch vụ phục vụ các công trình ngoài cảng, nhất là các dịch vụ tại các dự án, công trình lớn trên địa bàn;

c) Giải pháp nguồn nhân lực

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo: Xác định con người là nhân tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp theo từng giai đoạn. Từ đó xây dựng kế hoạch về nhu cầu lao động phù hợp, xây dựng các biện pháp nâng cao chất lượng lao động theo hướng chính quy, chuyên nghiệp, chuyên ngành để nâng cao hiệu quả và chất lượng thích nghi với đòi hỏi của môi trường cạnh tranh trong kinh doanh ngày càng cao.

- Tinh giản bộ máy quản lý đến mức hợp lý nhất có thể thông qua việc áp dụng các phần mềm quản lý và công nghệ thông tin. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân sự phục vụ cho nhu cầu phát triển cảng, thực hiện tốt việc bố trí, sắp xếp, điều chuyển lao động theo nhu cầu sử dụng và năng lực lao động nhằm kích thích tăng trưởng về năng suất lao động.

- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, quan tâm cải thiện mức thu nhập, thù lao của người lao động nhằm ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho các CBCNV, đảm bảo tính nguyên tắc công bằng, công khai, minh bạch trong cơ chế lương, thưởng, nâng lương, nâng bậc gắn chặt mức thu nhập với hiệu quả và chất lượng làm việc.

- Làm tốt công tác đánh giá hiệu quả lao động của cán bộ, công nhân viên; gắn việc trả công với năng suất, chất lượng lao động; thường xuyên rà soát nhu cầu, đánh giá trình độ lao động tại các đơn vị để có biện pháp điều chỉnh phù hợp.

- Tiếp tục đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ lao động, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu công việc và sự phát triển của công ty; trong đó, chú trọng đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ nhất là bộ phận kinh doanh, khai thác và chăm sóc khách hàng.

d) Giải pháp về tài chính

- Thực hiện việc phát hành thêm cổ phiếu tại thị trường chứng khoán để bổ sung nguồn vốn phục vụ việc hoàn trả khoản nợ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam liên quan đến xử lý nợ tại Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Chương Dương và có thêm nguồn vốn để đầu tư hoàn thiện hạ tầng và trang thiết bị xếp dỡ tại cảng.

- Thiết lập hệ thống phân tích giá thành làm cơ sở để xây dựng các giải pháp hạ giá thành dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh trong ngắn hạn và dài hạn.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm soát nợ, thu hồi nợ nhằm hạn chế rủi ro. Bảo toàn và phát triển hiệu quả nguồn vốn.

e) Giải pháp về đầu tư

- Phối hợp với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam để xây dựng giải pháp chuyển đổi chủ đầu tư Dự án xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn II, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp tục đầu tư xây dựng hoặc hợp tác đầu tư với đối tác có dự án phù hợp tại phần đất này.

- Tiếp tục tiếp thị, mời gọi các đối tác, khách hàng tham gia hợp tác đầu tư kho, bãi tại Cảng Hoàng Diệu và Cảng Cái Cui để tạo chân hàng ổn định sau cảng; nhất là theo dõi sát để hợp tác đầu tư mở rộng tại phần đất dự trữ mở rộng Cảng Cái Cui nằm trong phần diện tích quy hoạch Trung tâm logistics cấp II 242,4ha của Thành phố Cần Thơ.

- Tiếp tục tham gia đấu giá thuê phần diện tích đất dự phòng (2ha) của Cảng Sóc Trăng để tăng diện tích cho thuê kho, bãi.

- Tăng cường giám sát, kiểm soát chi phí, giám sát và đánh giá hiệu quả vốn đầu tư.

- Chọn lọc các hạng mục ưu tiên đầu tư để bố trí nguồn vốn đầu tư trước; đồng thời, thực hiện các giải pháp để đẩy mạnh quy trình đầu tư nhằm hoàn thành các hạng mục đầu tư được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) *- Không.*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).

- Trong năm 2019, vào những tháng mưa cao điểm và thủy triều cao, để đảm bảo các hệ thống thoát nước, cống rãnh, kho bãi không bị ngập, ứ đọng gây ô nhiễm môi trường, đơn vị đã thực hiện công tác quản lý vệ sinh môi trường được triển khai như: thường xuyên kiểm tra và thực hiện việc nạo vét hố ga, khơi thông đường cống rãnh, hệ thống thoát nước bên trong và khu vực xung quanh Cảng, các công trình phụ của nhà văn phòng làm việc. Ngoài ra còn thuê lao động công nhật thường xuyên quét, dọn vệ sinh đảm bảo giữ vệ sinh cho cầu cảng, đường nội bộ và quy định các bộ phận tự giữ gìn vệ sinh cho phòng, ban của mình.

Hướng dẫn cán bộ chuyên trách ATLĐ, mạng lưới ATVSV, trưởng kho đảm bảo vệ sinh kho, bãi, hiện trường sản xuất.

- Giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu gây hại cho môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật về môi trường, về an toàn – phòng tránh cháy nổ nhằm đảm bảo hạn chế những thiệt hại về người và tài sản trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra việc giữ gìn môi trường làm việc trong phạm vi Cảng; sắp xếp phòng làm việc gọn gàng, sạch sẽ, khoa học, thông thoáng, văn minh, hiện đại; phát quang cây cối làm cỏ sạch sẽ, trồng thêm cây xanh cải thiện mỹ quan môi trường làm việc và hoạt động khác nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CNVCLĐ trong đơn vị.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers

Năm 2019 thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của Công ty tổng cộng 158 người; qua khám sức khỏe định kỳ không phát hiện bệnh nghề nghiệp liên quan đến hoạt động SXKD; (Loại I: 54 người, loại II: 46 người, loại III: 39 người, loại IV: 19).

Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật thực hiện cho công nhân viên lao động trực tiếp làm công việc ở môi trường nặng nhọc độc hại theo đúng quy định.

Công đoàn đã phối hợp với Công ty tổ chức cho người lao động tham gia học tập kết hợp tham quan nghỉ dưỡng và về nguồn tại Phú Quốc - Kiên Giang; Côn Đảo - Bà Rịa Vũng Tàu; Hòn Sơn - Kiên Giang; Giồng Trôm - Bến Tre… Tổ chức buổi tọa đàm Ban lãnh đạo và người lao động Công ty về các chế độ chính sách của tất cả cán bộ công nhân viên Cảng Cần Thơ. Tổ chức giao lưu học hỏi về các chủ đề "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và các buổi giao lưu, vui chơi dã ngoại để tạo tinh thần đoàn kết, chia sẻ và tái tạo sức khỏe cho người lao động sau những ngày làm việc mệt nhọc

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019 THỰC HIỆN:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019
1	Tổng tài sản	Đồng	373.585.373.604
2	Nợ phải trả	Đồng	112.945.808.166
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	260.639.564.608
4	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	1,05%
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,51%

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019
6	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.43

- Để có được kết quả hoạt động trên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phải định hướng chiến lược rõ ràng đối với kế hoạch hoạt động trong năm và không ngừng triển khai các phương án theo dõi quản trị, cũng như kiểm soát chặt chẽ các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình hoạt động tại cảng. Qua đó, các công tác về quản lý kỹ thuật, quản lý nhân công, đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị,… đều được thực hiện nhất quán, có hệ thống đạt hiệu quả cao góp phần giúp công ty hoàn tốt kế hoạch sản xuất năm đã được định hướng.

- Năm qua, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty có nhiều điểm sáng rất tích cực. Chỉ tiêu doanh thu và cả lợi nhuận tuy không đạt như kỳ vọng đặt ra nhưng đã thể hiện hết sự nỗ lực, đoàn kết phấn đấu của tập thể Ban điều hành và toàn thể người lao động trong mọi hoạt động của doanh nghiệp, đã đạt lợi nhuận lãi 3.947 tr.đồng. Theo đó, ROA và ROE lần lượt là 1,05% và 1,51%. Có thể thấy được, Công ty đang hoạt động hiệu quả, sử dụng tài sản và nguồn vốn tối ưu để đạt được những kết quả thành công trong năm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance

- Trước những khó khăn và thách thức về mọi mặt hoạt động, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ trong năm 2019 đã vô cùng nỗ lực để hoàn thành mục tiêu giảm lỗ, nâng cao năng lực và trách nhiệm trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Tại các cuộc họp giao ban, Ban giám đốc Công ty Cảng Cần Thơ đã mời các Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách phụ trách các chi nhánh cùng tham dự để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại các chi nhánh, cùng nhau thảo luận để đưa ra các phương án xử lý những tình huống khó khăn, bất lợi của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các chi nhánh hoạt động ổn định.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Cảng Cần Thơ tuy chưa đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận có lãi. Với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm, Cảng Cần Thơ tập trung vào các mặt hàng có sản lượng lớn, Tập trung tìm các giải pháp mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh trước tình hình cạnh tranh của các đơn vị cảng biển ngày càng gay gắt. Tìm kiếm và ký hợp đồng với các khách hàng mới nhằm bù đắp các mặt hàng bị giảm sản lượng, các chính sách đẩy mạnh công tác marketing, xây dựng và phát triển bộ phận chăm sóc khách hàng đã giúp công ty có những bước phát triển phát triển thị trường khu vực Sóc Trăng – Duyên Hải và An Giang. Tăng cường quản trị nội bộ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí mọi mặt. Hoàn thành việc tái cơ cấu tài chính để phát triển. Xây dựng tốt đời sống văn hóa tinh thần. Đảm bảo đời sống, thu nhập cho người lao động

- Trong năm 2019, trước tình hình tài chính của Công ty còn nhiều hạn chế, Công ty đã chủ động kêu gọi hợp tác đầu tư nhằm phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị của đơn vị, công tác đầu tư mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cũng được Ban giám đốc Công ty quan tâm kịp thời cung cấp thiết bị phục vụ cho nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Bên cạnh đó, Cảng Cần Thơ luôn quan tâm đến các chính sách nhân sự nhằm thu hút người lao động có trình độ chuyên môn cao, chế độ khen thưởng kịp thời để giữ chân người lao động, các khoản lương, thưởng, phụ cấp trong năm được đảm bảo đầy đủ, công tác hoạch định nguồn nhân lực đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn cho cán bộ công nhân viên được thực hiện nhằm đem lại hiệu quả cao trong công việc.

- Tổng kết năm 2019, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Cảng Cần Thơ đã đạt được những kết quả nhất định, mức lợi nhuận đã tăng trở lại, các mục tiêu được hoàn thành theo đúng định hướng đặt ra, Ban giám đốc Công ty đã đưa ra các chính sách quản trị kịp thời, hỗ trợ và tháo gỡ nhanh chóng các vấn đề tồn đọng. Đây chính là những động lực để Cảng Cần Thơ có những điều kiện thuận lợi phát triển trong những năm tiếp theo.

- Trong năm qua, Ban điều hành Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2019 đề ra. Ban điều hành Công ty Công ty luôn quan tâm đến công tác quản trị nội bộ, công tác đối ngoại, giám sát tình hình thực hiện và chỉ đạo kịp thời từng trường hợp, từng thời điểm, báo cáo, đưa ra các đề xuất quản trị quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra những giải pháp nhằm hạn chế tối đa những bất lợi ảnh hưởng tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Sản lượng	TTQ	2.200.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	126.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.100
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.100

CÁC BIỆN PHÁP HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH

- Lấy khách hàng làm trung tâm, giữ vững thị trường, ưu tiên tập trung nguồn lực tài chính đầu tư thiết bị, phương tiện chuyên dùng để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh khác, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

- Chủ động tìm kiếm đối tác, khách hàng mới, mở rộng địa bàn hoạt động và đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh nhằm bù đắp những sản lượng hàng hóa đã mất.

- Tăng cường khuyến khích, tập huấn và đào tạo nâng cao kỹ năng, trình độ, tay nghề cho người lao động, đáp ứng yêu cầu về nguồn lực trong quá trình hoạt động. Có chính sách khen thưởng, tăng lương để nâng cao tinh thần làm việc, nâng cao trách nhiệm của cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chú trọng giải pháp bảo vệ môi trường và an toàn lao động. Nâng cao công tác phối hợp giữa các phòng ban và tạo sự đồng bộ trong các hoạt động.

Giải pháp quản trị

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã thực hiện được sau công tác tái cơ cấu, rà soát điều chỉnh, những mặt còn hạn chế, tái cấu trúc bộ máy nâng cao vai trò quản lý công ty mẹ - Cảng Cần Thơ nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

- Rà soát, xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Cảng Cần Thơ. Đảm bảo các quy chế, quy định, quy trình tác nghiệp đã ban hành của Cảng Cần Thơ phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của Cảng Cần Thơ, giúp cho mọi hoạt động của Cảng Cần Thơ luôn chặt chẽ, theo một quy trình đồng nhất, có phân cấp, phân công cụ thể, rõ ràng, được triển khai thực hiện nhanh chóng, chính xác, chuyên nghiệp, đạt hiệu quả cao và có cơ chế giám sát, đánh giá, xử lý nhằm nâng cao uy tín, thương hiệu của Cảng Cần Thơ với đối tác, khách hàng.

- HĐQT, Ban Điều hành tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đảm bảo tính công khai minh bạch trong quản trị và điều hành. Đưa các phần mềm Công nghệ thông tin vào quản lý khai thác Cảng. Đồng bộ và phát huy tính hiệu quả của các phần mềm quản lý khai thác Cảng nhằm đảm bảo cho các hoạt động quản lý, khai thác cảng của Cảng Cần Thơ tuân theo một quy trình chuẩn; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khai thác đồng bộ, trích xuất nhanh chóng, chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác báo cáo, quản trị, điều hành của Cảng Cần Thơ.

- Nêu cao tinh thần đoàn kết tập thể. Luôn quan tâm chăm lo đời sống và điều kiện làm việc của người lao động.

Giải pháp về kinh doanh

- Tập trung vào nhóm các mặt hàng chủ lực có doanh số lớn, giữ vững thị trường, giữ các khách hàng hiện có. Duy trì sản lượng, doanh thu từng bước tạo ra thế mạnh cạnh tranh với các Cảng trong khu vực trên cơ sở tập trung vào các mặt hàng có doanh số lớn.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác marketing, đồng thời xây dựng và phát triển bộ phận chăm sóc khách hàng, đưa ra các chính sách phục vụ tốt hơn đối với khách hàng cũ nhằm giữ được các khách hàng hiện có. Tìm kiếm và ký hợp đồng với một số khách hàng mới nhằm bù đắp các mặt hàng bị giảm sản lượng. Phát triển thị trường khu vực Sóc Trăng – Duyên Hải và An Giang cung cấp thêm một số dịch vụ mới theo yêu cầu của thị hiếu khách hàng nhằm đa dạng hóa sản phẩm, tăng doanh thu, lợi nhuận.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác liên kết với các đơn vị thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam nhằm xây dựng được các dịch vụ trọn gói liên vùng để cung cấp cho khách hàng, đồng

thời cải tiến phương thức phối hợp giữa các thành viên theo hướng các đơn vị góp dịch vụ trong chuỗi dịch vụ trọn gói để làm cơ sở tiếp thị đến khách hàng; trách nhiệm cung cấp dịch vụ và doanh thu của từng thành viên gắn với đoạn dịch vụ mỗi thành viên cung cấp trong chuỗi. Thêm nguồn thu cho mỗi đơn vị trong chuỗi liên kết và tăng thị phần, uy tín của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

- Kêu gọi các nhà đầu tư bằng hình thức hợp tác, phát triển hạ tầng sản xuất kinh doanh với mục tiêu nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, tăng năng lực và thị phần khai thác mới nhằm tăng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận của Cảng Cần Thơ..

Giải pháp về tài chính

- Xây dựng quy chế quản trị rủi ro, rà soát xây dựng, bổ sung, điều chỉnh các định mức về chi phí cho phù hợp điều kiện thực tế của công ty theo hướng tiết kiệm và không lãng phí. Tăng cường giám sát, kiểm soát chi phí, giám sát và đánh giá hiệu quả vốn đầu tư.

- Thiết lập hệ thống phân tích giá thành làm cơ sở để xây dựng các giải pháp hạ giá thành dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh trong ngắn hạn và dài hạn.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm soát nợ, thu hồi nợ nhằm hạn chế rủi ro. Bảo toàn và phát triển hiệu quả nguồn vốn.

- Xây dựng tiếp phương án tăng vốn điều lệ để giảm thiểu áp lực tài chính trả nợ và có nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị phát triển sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo

Giải pháp nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch về nhu cầu lao động phù hợp, xây dựng các biện pháp nâng cao chất lượng lao động theo hướng chính quy, chuyên nghiệp, chuyên ngành để nâng cao hiệu quả và chất lượng thích nghi với đòi hỏi của môi trường cạnh tranh trong kinh doanh ngày càng cao.

- Tinh giản bộ máy quản lý đến mức hợp lý nhất có thể thông qua việc áp dụng các phần mềm quản lý và công nghệ thông tin. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân sự phục vụ cho nhu cầu phát triển cảng, thực hiện tốt việc bố trí, sắp xếp, điều chuyển lao động theo nhu cầu sử dụng và năng lực lao động nhằm kích thích tăng trưởng về năng suất lao động.

- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, quan tâm cải thiện mức thu nhập, thù lao của người lao động nhằm ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho các CBCNV, đảm bảo tính nguyên tắc công bằng, công khai, minh bạch trong cơ chế lương, thưởng, nâng lương, nâng bậc gắn chặt mức thu nhập với hiệu quả và chất lượng làm việc.

- Thực hiện tốt các nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo đúng các quy định của Bộ luật lao động, Luật công đoàn về thực hiện các khoản trích nộp như: BHXH, BHYT, vv… chăm lo sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị bảo hộ lao động và thường xuyên quan tâm cải thiện môi trường làm việc của người lao động.

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors:

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	8.560.500	30,06%
2	Nguyễn Văn Bá	Thành viên	5.699.200	20,01%
3	Phan Công Đức	Thành viên	5.702.200	20,02%
4	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	8.259.200	29%

Thay đổi HĐQT trong năm: không

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Director: Không.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors:

1.3.1. Các cuộc họp của hội đồng quản trị

STT	*Thành viên HĐQT*	*Chức vụ*	*Số buổi họp HĐQT tham dự*	*Tỷ lệ tham dự họp*	*Lý do không tham dự họp*
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	17	100%	
2	Nguyễn Văn Phương	Thành viên	17	100%	
3	Phan Công Đức	Thành viên	17	100%	
4	Nguyễn Văn Bá	Thành viên	17	100%	

- Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã tiến hành tổ chức 17 cuộc họp, ban hành 23 Nghị quyết và 23 Quyết định. Thông qua nhiều nội dung quan trọng sau: Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019 và trình ĐHĐCĐ; thông qua phương án chi tiết chi trả cổ tức năm 2019; lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2019 theo sự ủy quyền của HĐQT. Các chủ trương đầu tư mua sắm thiết bị, hoạch định nguồn nhân lực, điều động bổ nhiệm cán bộ kịp thời nhằm mang lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp.

- Các phiên họp của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ trong năm 2019 được tổ chức theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cảng Cần Thơ và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của HĐQT vì lợi ích cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, cụ thể:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Ban hành kế hoạch chương trình hoạt động, phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Thông báo, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT. Chỉ đạo, quản lý và giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện công tác đối ngoại của HĐQT. Tập trung tìm các giải pháp mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác quản trị nội bộ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí mọi mặt. Chỉ đạo công tác tái cơ cấu tài chính, phương án tăng vốn để giảm áp lực tài chính trả nợ và có nguồn vốn đầu tư trong tương lai. Xây dựng tốt đời sống văn hóa tinh thần. Đảm bảo đời sống, thu nhập cho người lao động. Hỗ trợ Ban điều hành trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được giao.

+ Thành viên HĐQT chuyên trách đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành, có những đóng góp tích cực trong quá trình hỗ trợ Ban điều hành trong công tác thị trường, khách hàng, quản trị nội bộ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí mọi mặt, các vấn đề có liên quan đến hoạt động của các chi nhánh. Thực hiện rà soát chỉnh sửa các quy chế, quy định nội bộ phù hợp các văn bản pháp luật ban hành. Giám sát và chỉ đạo các vấn đề có liên quan kiểm soát, quản trị nội bộ.

+ Thành viên HĐQT, Quyền Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Trực tiếp phụ trách, theo dõi, chỉ đạo, kết hợp với Ban điều hành tham mưu cho HĐQT các chiến lược về công tác sản xuất kinh doanh, giữ vững thị trường, khách hàng. Tập trung tìm các giải pháp mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh. Chỉ đạo thực hiện quản trị nội bộ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí mọi mặt. Tìm kiếm đối tác không ngừng hợp tác đầu tư đưa phương tiện, thiết bị vào hoạt động sản xuất kinh doanh giảm chi phí thuê phương tiện ngoài. Thực hiện công tác tái cơ cấu nợ, phương án tăng vốn để giảm áp lực tài chính trả nợ và có nguồn vốn đầu tư trong tương lai, đưa ra các chính sách đầu tư, mua sắm, thanh lý tài sản theo đúng quy định nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

1.3.2. Các nghị quyết định, quyết định

Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
01	Số 01/NQ-HĐQT	25/02/2019	- Thống nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ như sau: - Thời gian tổ chức: 15/4/2019. - Ngày đăng ký cuối cùng: 18/3/2019. - Địa điểm: Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. - Địa chỉ: Số 02 KV Phú Thắng phường Tân Phú quận Cái Răng thành phố Cần Thơ.
02	Số 02/NQ-HĐQT	02/04/2019	Thống nhất phân công: **1. Ông Nguyễn Văn Bá**, thành viên Hội đồng quản trị tăng cường hỗ trợ Ban điều hành phát triển kinh doanh tại Khu vực Vàm Cái Sắn 02 (hai) tháng kể từ ngày 02/4/2019. **2. Ông Phan Công Đức**, thành viên Hội đồng quản trị tăng cường hỗ trợ Ban điều hành phát triển kinh doanh tại Duyên hải Trà Vinh 02 (hai) tháng kể từ ngày 02/4/2019.
03	Số 03/NQ-HĐQT	04/04/2019	Thống nhất phương án tái cấu trúc các phòng chức năng thuộc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ như sau: 1. Tách phòng Tổng hợp thành 03 phòng chức năng: Phòng Kinh doanh khai thác, Phòng Nhân sự, Phòng Kỹ thuật. 2. Cơ cấu bộ máy tổ chức mới gồm 04 phòng: - Phòng Kinh doanh Khai thác. - Phòng Tổ chức nhân sự. - Phòng Kỹ thuật. - Phòng Tài chính kế toán.
04	Số 04/NQ-HĐQT	11/04/2019	Thống nhất thay đổi ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau: - Thời gian tổ chức đại hội: 26/4/2019. - Địa điểm: Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. - Địa chỉ: Số 02 KV Phú Thắng phường Tân Phú quận Cái Răng thành phố Cần Thơ. Chương trình đại hội: Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và Kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và định hướng năm 2019; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và định hướng năm 2019; Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018, phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019; Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và người lao động năm 2019; Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019; Các vấn đề khác

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Số Nghị Quyết/ Quyết định</th><th>Ngày ban hành</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.</td></tr>
<tr><td>05</td><td>Số 05/NQ-HĐQT</td><td>23/04/2019</td><td>Hội đồng quản trị thông qua các nội dung Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ như sau:
1. Báo cáo số 118/BC-CCT ngày 01/04/2019 của Quyền Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
- Sản lượng hàng hóa thông qua: 2.076.400 tấn.
- Tổng doanh thu: 119 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 05 tỷ đồng.
- Tổng mức đầu tư năm 2019: 15,9 tỷ đồng.
Trong đó:
+ Kế hoạch đầu tư mới năm 2019: 5,6 tỷ đồng.
Cụ thể:
· Dự án đầu tư XDCB: 5,5 tỷ đồng.
· Đầu tư phương tiện, thiết bị: 0,1 tỷ đồng.
+ Dự án năm 2018 chuyển tiếp sang năm 2019: 10,3 tỷ đồng.
Cụ thể:
· Dự án đầu tư XDCB: 1,8 tỷ đồng.
· Đầu tư phương tiện, thiết bị: 8,5 tỷ đồng.
<table>
<tr><td>A</td><td>Dự án chuyển tiếp từ năm 2018 sang năm 2019</td><td>Quy mô/mô tả dự án</td><td>10.300.000.000</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Dự án đầu tư XDCB</td><td></td><td>1.800.000.000</td></tr>
<tr><td>1.1</td><td>Đầu tư hệ thống PCCC cầu tàu số 1&2, thẩm định hệ thống PCCC các kho</td><td>Thẩm định phê duyệt toàn hệ thống PCCC (cầu cảng, kho…) theo đúng các quy định của pháp luật về luật PCCC</td><td>1.500.000.000</td></tr>
<tr><td>1.2</td><td>Xây dựng khu nhà vệ sinh cho công nhân và khách hàng</td><td>Phục vụ cho nhu cầu của công nhân và khách hàng</td><td>300.000.000</td></tr>
</table>
2. Báo cáo số 01/BC-HĐQT ngày 05/4/2019 của Hội đồng quản trị về Báo cáo hoạt động năm 2018 và định hướng năm 2019 của Hội</td></tr>
</table>

Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
			đồng quản trị. 3. Tờ trình số 119/TTr-CCT ngày 01/04/2019 của Quyền Tổng giám đốc về việc xin thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. 4. Tờ trình số 116/TTr-CCT ngày 01/04/2019 của Quyền Tổng giám đốc về phương án phân phối lợi nhuận năm và trích lập quỹ năm 2018; kế hoạch chi trả cổ tức năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
06	Số 06/NQ-HĐQT	23/04/2019	Thống nhất phê duyệt chủ trương lắp đặt hệ thống camera quan sát và thiết lập hệ thống mạng nội bộ.
07	Số 07/NQ-HĐQT	03/6/2019	Thống nhất phê duyệt chủ trương cải tạo cầu Cảng đặt cần cẩu tại Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu theo đề nghị của Quyền Tổng giám đốc tại Tờ trình số 170/TTr-CCT ngày 27/05/2019 như sau: 1. Quy mô thực hiện Cải tạo cầu cảng đặt cần cẩu Liebherr có sức nâng 40 tấn, tầm với 28m cố định tại cầu Cảng Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu. 2. Thời gian thuê: Dưới 05 năm. Hội đồng quản trị Ủy quyền và yêu cầu Quyền Tổng giám đốc. 1. Tiến hành đàm phán các điều kiện cụ thể với Công ty Cổ phần Nhật Việt – VIETSUN CORPORATION (Công ty Vietsun) việc thuê cần cẩu sau khi Công ty Vietsun đầu tư hoàn thành. Đảm bảo cần cẩu đưa vào khai thác thu hút được khách hàng đến với Cảng góp phần tạo ra doanh thu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Báo cáo Hội đồng quản trị kết quả đàm phán và hiệu quả của phương án thuê cần cẩu. 2. Công tác cải tạo cầu cảng đặt cần cẩu phải được thực hiện theo đúng quy trình hồ sơ pháp lý về đầu tư như: thuê đơn vị tư vấn thiết kế, đánh giá công tác cải tạo cầu cảng đặt cẩu phải phù hợp với công năng thiết kế của cầu cảng và quy định pháp lý của các cơ quan Nhà nước trước khi đưa cần cẩu vào khai thác sử dụng. Báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.
08	Số 08/NQ-HĐQT	25/6/2019	Hội đồng quản trị thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ với mức phí là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) (đã bao gồm VAT).
09	Số 09/NQ-HĐQT	11/07/2019	Giao Ban điều hành thực hiện các nội dung sau: 1.1. Tổ chức chỉ đạo các chi nhánh thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019; tập trung phát triển thị trường, tăng cường các giải pháp tiết giảm chi phí, đặc biệt là chi phí thuê ngoài.

Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
			1.2. Hoàn thiện mô hình tổ chức, xây dựng quy chế hoạt động của Công ty sau tái cơ cấu ngay trong 06 tháng cuối năm 2019. Báo cáo Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. 1.3. Tập trung ổn định cơ cấu tổ chức Chi nhánh Trung tâm Logictics Cảng Sóc Trăng, đảm bảo bộ máy tinh gọn, hiệu quả. (Lưu ý bộ máy quản lý điều hành Cảng Sóc Trăng cần tinh gọn chỉ 04-05 người). 1.4. Bố trí nguồn vốn để đầu tư các hạng mục (cần cẩu, sà lan, băng tải, xe xúc…) theo kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông Cảng Cần Thơ thông qua trong 06 tháng cuối năm 2019 nhằm tăng năng lực thiết bị bốc xếp, giảm chỉ phí thuê ngoài. 2. Giao phòng Kinh doanh khai thác thực hiện các nội dung sau: 2.1. Tổ chức lấy ý kiến khảo sát, đánh giá định kỳ mức độ hài lòng của khách hàng 06 tháng/lần bằng phiếu khảo sát gửi qua bưu điện. 2.2. Lập kế hoạch duy trì các khách hàng hiện hữu, thu hút thêm các khách hàng mới. 2.3. Xây dựng quy trình chăm sóc khách hàng. 2.4. Tổ chức tối thiểu 01 khóa học về nghiệp vụ chăm sóc khách hàng và phát triển thị trường và 01 chương trình truyền thông về văn hóa doanh nghiệp lấy khách hàng làm trung tâm. 3. Giao phòng Tổ chức nhân sự thực hiện các nội dung sau: 3.1. Hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty, các chế độ chính sách, tiền lương, thu nhập cho người lao động phù hợp với các quy định hiện hành. 3.2. Kết hợp với Tổ xây dựng KPI khẩn trương triển khai áp dụng KPI ngay trong Quý III/2019. 3.3. Hoàn thành công tác quy hoạch cán bộ trong tháng 9/2019. 3.4. Tổ chức tối thiểu 01 khóa học về các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ của các phòng chức năng có liên quan. 4. Giao phòng Tài chính kế toán thực hiện các nội dung sau: 4.1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý chặt chẽ công tác tài chính theo đúng các quy định về chuẩn mực kế toán để đạt được kết quả lợi nhuận đạt tối đa như kế hoạch đề ra. 4.2. Kết hợp với các phòng chức năng Công ty theo dõi chặt chẽ các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, giảm các chỉ tiêu chi phí tăng cao, đưa ra các giải pháp quản trị để tiết giảm tất cả các chi phí. 4.3. Tham mưu cho Ban điều hành công tác tái cơ cấu nợ của Công ty, trình Hội đồng xem xét. 4.4. Theo dõi rà soát hồ sơ về các khoản nợ của Công ty, công tác thu hồi nợ, hạn chế không để phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi. Bố trí các nguồn lực về tài chính để xúc tiến đầu tư các hạng mục đã được Đại hội đồng cổ đông Cảng Cần Thơ thông qua. 4.5. Kết hợp với phòng Tổ chức nhân sự, Công đoàn trong quản lý và

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Số Nghị Quyết/ Quyết định</th><th>Ngày ban hành</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>tham mưu cho Ban điều hành các chế độ chính sách, đảm bảo tiền lương, thu nhập cho người lao động phù hợp với các quy định hiện hành.</td></tr>
<tr><td>10</td><td>Số 10/NQ-HĐQT</td><td>11/7/2019</td><td>Chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch bổ sung các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ giai đoạn 2019-2021.
<table>
<tr><th>TT</th><th>Họ và tên</th><th>Ngày, tháng, năm sinh</th><th>Chức vụ, đơn vị công tác</th></tr>
<tr><td colspan="4">CHỨC DANH TỔNG GIÁM ĐỐC</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Lê Tiến Công</td><td>10/12/1971</td><td>Phó Tổng giám đốc</td></tr>
<tr><td colspan="4">CHỨC DANH PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Lâm Trúc Sơn</td><td>03/03/1967</td><td>Kế toán trưởng</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Trịnh Thanh Tùng</td><td>10/07/1978</td><td>Trưởng phòng</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Lê Thành Công</td><td>09/03/1975</td><td>Phó Giám đốc - Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Trần Hồng Phong</td><td>10/11/1978</td><td>Phó Giám đốc - CN Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Hoàng Xuân Nam</td><td>15/09/1983</td><td>Thư ký Tổng Giám đốc</td></tr>
<tr><td colspan="4">CHỨC DANH KẾ TOÁN TRƯỞNG</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Thái Thị Mỹ Linh</td><td>07/10/1976</td><td>Phó trưởng phòng Tài chính kế toán</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Trần Thị Thu Oanh</td><td>10/03/1977</td><td>Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Cái Cui</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Doãn Nguyễn Hồng Tâm</td><td>15/08/1979</td><td>Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Số Nghị Quyết/ Quyết định</th><th>Ngày ban hành</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>11</td><td>Số 11/NQ-HĐQT</td><td>11/7/2019</td><td>Thống nhất thông qua danh sách nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch bổ sung các chức danh Trưởng/Phó phòng, Giám đốc/Phó giám đốc các Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ giai đoạn 2019-2021.
<table>
<tr><th>TT</th><th>Họ và tên</th><th>Ngày, tháng, năm sinh</th><th>Chức vụ, đơn vị công tác</th></tr>
<tr><td colspan="4">CHỨC DANH TRƯỞNG PHÒNG/GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hoàng Xuân Nam</td><td>15/09/1983</td><td>Phó trưởng phòng Kinh doanh khai thác -Thư ký Tổng Giám đốc</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Thái Thị Mỹ Linh</td><td>07/10/1976</td><td>Phó trưởng phòng Tài chính kế toán</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Trần Văn Bình</td><td>30/04/1973</td><td>Phó giám đốc - Chi nhánh Cảng Cái Cui</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Nguyễn Thanh Tòng</td><td>10/05/1979</td><td>Phó giám đốc CN Cảng Cái Cui</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Lê Thành Công</td><td>09/03/1975</td><td>Phó Giám đốc - Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Ung Văn Nhẫn</td><td>22/12/1969</td><td>Phó Trưởng phòng Kỹ thuật</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Hoàng Văn Sơn</td><td>10/11/1986</td><td>Phó Trưởng phòng Kỹ thuật</td></tr>
<tr><td>8</td><td>Võ Thành Được</td><td>21/05/1986</td><td>Thư ký Công ty</td></tr>
<tr><td colspan="4">CHỨC DANH PHÓ TRƯỞNG PHÒNG/PHÓ GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Doãn Nguyễn Hồng Tâm</td><td>15/08/1979</td><td>Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Trần Thị Thu Oanh</td><td>10/03/1977</td><td>Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Cái Cui</td></tr>
</table></td></tr>
</table>

Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung

3	Nguyễn Văn Hiền	15/12/1982	Nhân viên quản lý công nợ
4	Lê Minh Ngọt	26/08/1978	Trưởng điều hành - CN Cảng Cái Cui
5	Trần Văn Thương	19/10/1979	Trưởng điều hành - CN Cảng Cái Cui
6	Đinh Duy Kết	01/02/1980	Trưởng điều hành - CN Cảng Hoàng Diệu
7	Phan Đại Thành	12/09/1977	Trưởng điều hành - CN Cảng Hoàng Diệu
8	Trần Thị Thúy Bình	09/09/1987	Phó trưởng ban Tài chính Kế toán - CN Cảng Hoàng Diệu
9	Huỳnh Thu Hồng	04/11/1972	Đội trưởng Đội giao nhận kho bãi - CN Cảng Hoàng Diệu
10	Lưu Thanh Phong	17/04/1985	Trưởng Trạm xăng dầu – CN TT Logistics Cảng Sóc Trăng
11	Trần Phương Hiền	19/12/1988	Kế toán viên - Phòng tài chính kế toán
12	Nguyễn Minh Kha	20/12/1985	Trưởng điều hành - CN Cảng Cái Cui
13	Trần Tấn Du	10/08/1977	Trưởng ban Tổ chức hành chính - CN Cảng Hoàng Diệu

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Số Nghị Quyết/ Quyết định</th><th>Ngày ban hành</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td>14</td><td>Hà Thanh Bình</td><td>20/03/1975</td><td>Trưởng điều hành - CN Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>12</td><td>Số 12/NQ-HĐQT</td><td>11/7/2019</td><td>
Chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ giai đoạn 2021-2026.
<table>
<tr><th>TT</th><th>Họ và tên</th><th>Ngày, tháng, năm sinh</th><th>Chức vụ, đơn vị công tác</th></tr>
<tr><td colspan="4">CHỨC DANH TỔNG GIÁM ĐỐC</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Nguyễn Văn Phương</td><td>11/02/1966</td><td>Quyền Tổng giám đốc</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Lê Tiến Công</td><td>10/12/1971</td><td>Phó Tổng giám đốc</td></tr>
<tr><td colspan="4">CHỨC DANH PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Lâm Trúc Sơn</td><td>03/03/1967</td><td>Kế toán trưởng</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Trịnh Thanh Tùng</td><td>10/07/1978</td><td>Trưởng phòng</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Lê Thành Công</td><td>09/03/1975</td><td>Phó Giám đốc - Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Trần Hồng Phong</td><td>10/11/1978</td><td>Phó Giám đốc - CN Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Hoàng Xuân Nam</td><td>15/09/1983</td><td>Thư ký Tổng Giám đốc</td></tr>
<tr><td colspan="4">CHỨC DANH KẾ TOÁN TRƯỞNG</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Thái Thị Mỹ Linh</td><td>07/10/1976</td><td>Phó trưởng phòng Tài chính kế toán</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Số Nghị Quyết/ Quyết định</th><th>Ngày ban hành</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td>2</td><td>Trần Thị Thu Oanh</td><td>10/03/1977</td><td>Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Cái Cui</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Doãn Nguyễn Hồng Tâm</td><td>15/08/1979</td><td>Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>13</td><td>Số 13/NQ-HĐQT</td><td>11/7/2019</td><td>
Thông qua danh sách nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch các chức danh Trưởng/Phó phòng, Giám đốc/Phó giám đốc các Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ giai đoạn 2021-2026.
<table>
<tr><th>TT</th><th>Họ và tên</th><th>Ngày, tháng, năm sinh</th><th>Chức vụ, đơn vị công tác</th></tr>
<tr><td colspan="4">CHỨC DANH TRƯỞNG PHÒNG/GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hoàng Xuân Nam</td><td>15/09/1983</td><td>Phó trưởng phòng Kinh doanh khai thác -Thư ký Tổng Giám đốc</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Thái Thị Mỹ Linh</td><td>07/10/1976</td><td>Phó trưởng phòng Tài chính kế toán</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Trần Văn Bình</td><td>30/04/1973</td><td>Phó giám đốc - Chi nhánh Cảng Cái Cui</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Nguyễn Thanh Tòng</td><td>10/05/1979</td><td>Phó giám đốc CN Cảng Cái Cui</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Lê Thành Công</td><td>09/03/1975</td><td>Phó Giám đốc - Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Ung Văn Nhẫn</td><td>22/12/1969</td><td>Phó Trưởng phòng Kỹ thuật</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung

7	Hoàng Văn Sơn	10/11/1986	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật
8	Võ Thành Được	21/05/1986	Thư ký Công ty
CHỨC DANH PHÓ TRƯỞNG PHÒNG/PHÓ GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH			
1	Doãn Nguyễn Hồng Tâm	15/08/1979	Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Hoàng Diệu
2	Trần Thị Thu Oanh	10/03/1977	Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Cái Cui
3	Nguyễn Văn Hiền	15/12/1982	Nhân viên quản lý công nợ
4	Lê Minh Ngọt	26/08/1978	Trưởng điều hành - CN Cảng Cái Cui
5	Trần Văn Thương	19/10/1979	Trưởng điều hành - CN Cảng Cái Cui
6	Đinh Duy Kết	01/02/1980	Trưởng điều hành - CN Cảng Hoàng Diệu
7	Phan Đại Thành	12/09/1977	Trưởng điều hành - CN Cảng Hoàng Diệu
8	Trần Thị Thúy Bình	09/09/1987	Phó trưởng ban Tài chính Kế toán - CN Cảng Hoàng Diệu
9	Huỳnh Thu Hồng	04/11/1972	Đội trưởng Đội giao nhận kho bãi - CN Cảng Hoàng Diệu
10	Lưu Thanh Phong	17/04/1985	Trưởng Trạm xăng dầu – CN TT Logistics Cảng Sóc Trăng
11	Trần Phương Hiền	19/12/1988	Kế toán viên - Phòng tài chính kế toán
12	Nguyễn Minh	20/12	Trưởng điều hành - CN Cảng

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Số Nghị Quyết/ Quyết định</th><th>Ngày ban hành</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td></td><td>Kha</td><td>/1985</td><td>Cái Cui</td></tr>
<tr><td>13</td><td>Trần Tấn Du</td><td>10/08 /1977</td><td>Trưởng ban Tổ chức hành chính - CN Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
<tr><td>14</td><td>Hà Thanh Bình</td><td>20/03 /1975</td><td>Trưởng điều hành - CN Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>14</td><td>Số 14/NQ-HĐQT</td><td>12/8/2019</td><td>Thống nhất thông qua hệ thống thang lương, bảng lương Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ năm 2019, lựa chọn phương án cập nhật lại hệ thống thang bảng lương doanh nghiệp hiện tại của doanh nghiệp được thiết lập trên cơ sở kế thừa và phát triển từ Nghị định 205/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.</td></tr>
<tr><td>15</td><td>Số 15/NQ-HĐQT</td><td>03/9/2019</td><td>Thống nhất thông qua chủ trương cho thuê mái nhà kho để lắp đặt hệ thống điện mặt trời với thời hạn 20 năm</td></tr>
<tr><td>16</td><td>Số 16/NQ-HĐQT</td><td>23/9/2019</td><td>Thống nhất thông qua nội dung khoản nợ tại Vietinbank của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.</td></tr>
<tr><td>17</td><td>Số 17/NQ-HĐQT</td><td>23/9/2019</td><td>Thống nhất không thông qua nội dung xử lý nợ Công ty TNHH Xây dựng & Khảo sát Công trình Thanh Tuấn.</td></tr>
<tr><td>18</td><td>Số 18/NQ-HĐQT</td><td>16/10/2019</td><td>Thống nhất thông qua danh sách bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2019-2021 và quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026 đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
Danh sách nhân sự giới thiệu quy hoạch bổ sung các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trình Tổng công ty giai đoạn 2019-2021.
<table>
<tr><th>TT</th><th>Họ và tên</th><th>Ngày, tháng, năm sinh</th><th>Chức vụ, đơn vị công tác</th></tr>
<tr><td colspan="4">I. CHỨC DANH TỔNG GIÁM ĐỐC</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Lê Tiến Công</td><td>10/12/1971</td><td>Phó Tổng giám đốc</td></tr>
<tr><td colspan="4">II. CHỨC DANH PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Lâm Trúc Sơn</td><td>03/03/1967</td><td>Kế toán trưởng</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Trịnh Thanh Tùng</td><td>10/07/1978</td><td>Trưởng phòng</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Lê Thành Công</td><td>09/03/1975</td><td>Phó Giám đốc - Chi</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung

			nhánh Cảng Hoàng Diệu
4	Trần Hồng Phong	10/11/1978	Trưởng phòng Kinh doanh Khai thác
5	Hoàng Xuân Nam	15/09/1983	Phó trưởng phòng Kinh doanh Khai thác -Thư ký Tổng Giám đốc
III. CHỨC DANH KẾ TOÁN TRƯỞNG			
1	Thái Thị Mỹ Linh	07/10/1976	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán
2	Trần Thị Thu Oanh	10/03/1977	Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Cái Cui
3	Doãn Nguyễn Hồng Tâm	15/08/1979	Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Hoàng Diệu

Danh sách nhân sự giới thiệu quy hoạch bổ sung các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trình Tổng công ty giai đoạn 2021-2026

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác
I. CHỨC DANH TỔNG GIÁM ĐỐC			
1	Nguyễn Văn Phương	11/02/1966	Quyền Tổng giám đốc
2	Lê Tiến Công	10/12/1971	Phó Tổng giám đốc
II. CHỨC DANH PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC			
1	Lâm Trúc Sơn	03/03/1967	Kế toán trưởng
2	Trịnh Thanh Tùng	10/07/1978	Trưởng phòng
3	Lê Thành Công	09/03/1975	Phó Giám đốc - Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu
4	Trần Hồng Phong	10/11/1978	Trưởng phòng Kinh doanh Khai thác

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Số Nghị Quyết/ Quyết định</th><th>Ngày ban hành</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td>5</td><td>Hoàng Xuân Nam</td><td>15/09/1983</td><td>Phó trưởng phòng Kinh doanh Khai thác -Thư ký Tổng Giám đốc</td></tr>
<tr><td colspan="4">III. CHỨC DANH KẾ TOÁN TRƯỞNG</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Thái Thị Mỹ Linh</td><td>07/10/1976</td><td>Phó trưởng phòng Tài chính kế toán</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Trần Thị Thu Oanh</td><td>10/03/1977</td><td>Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Cái Cui</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Doãn Nguyễn Hồng Tâm</td><td>15/08/1979</td><td>Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
</table>
Thống nhất thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung ban hành các quy phạm nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo đề nghị của Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại Tờ trình số 330a/TTr-CCT ngày 30/9/2019
+ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.
+ Quy chế Quản lý nợ.
+ Quy chế Quản lý tài chính.
+ Quy chế Công bố thông tin.
+ Quy chế Quy chế Người đại diện phần vốn.
+ Quy chế Tuyển dụng và đào tạo cán bộ.
+ Quy chế Thi đua khen thưởng.
+ Quy chế Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ và các chi nhánh trực thuộc Công ty.
+ Quy chế về công tác văn thư – lưu trữ; hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính
Thống nhất thông qua chủ trương cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây cáp điện tại Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui.
Thống nhất thông qua chủ trương và ủy quyền cho Quyền Tổng giám đốc thuê cần cẩu chân đế 40 tấn của Công ty cổ phần Nhật Việt (Vietsunlines) với thời hạn là 02 năm và hợp tác với Công ty cổ phần Nhật Việt khai thác cần cẩu với mức chia sẻ doanh thu hàng tháng theo tỉ lệ Cảng Cần Thơ 60%, Vietsunlines 40% từ năm thứ 02 trở đi.
</td></tr>
<tr><td>19</td><td>Số 19/NQ-HĐQT</td><td>16/10/2019</td><td>Thống nhất thông qua chủ trương cho Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất thuê bãi của Cảng Cần Thơ để lắp đặt xilo chứa hàng xỉ lò cao với thời hạn mười (10) năm..</td></tr>
<tr><td>20</td><td>Số 20/NQ-</td><td>24/10/2019</td><td>Thống nhất thông qua chủ trương và ủy quyền cho Quyền Tổng giám</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Số Nghị Quyết/ Quyết định</th><th>Ngày ban hành</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td></td><td>HĐQT</td><td></td><td>đốc thực hiện kiểm định cẩu Cảng số 02 tại Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui.</td></tr>
<tr><td>21</td><td>Số 21/NQ-HĐQT</td><td>08/11/2019</td><td>Thống nhất phê duyệt đầu tư 01 cần cẩu bánh xích với các nội dung như sau:
1. Tên dự án: Đầu tư 01 cần cẩu bánh xích đã qua sử dụng.
2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ
3. Mục tiêu đầu tư
Đầu tư 01 cần cẩu bánh xích tạo điều kiện thuận lợi cho bốc xếp hàng hóa siêu trường siêu trọng, tăng hệ số khai thác, nâng cao năng lực bốc xếp hàng hóa của Cảng, kích thích tăng trưởng lượng hàng thông qua Cảng. Đồng thời, tạo doanh thu ổn định, giảm chi phí thuê ngoài và hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng hàng năm.
4. Nội dung và quy mô đầu tư: Mua 01 cần cẩu bánh xích 90 tấn đã qua sử dụng.
5. Tiến độ thực hiện: Quý IV/2019.
6. Nguồn vốn đầu tư
Tổng mức đầu tư dự kiến là: 4.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ đồng) (bao gồm thuế VAT).
Nguồn vốn: chuyển từ vốn thuê bao tài chính sang vốn tự có của Cảng Cần Thơ.
Với tình hình tài chính hiện nay của Công ty có khả năng để đầu tư thực hiện dự án trên.
7. Hiệu quả đầu tư
Một số chỉ tiêu hiệu quả đầu tư
<table>
<tr><th>STT</th><th>Chỉ tiêu</th><th>Ký hiệu</th><th>Đơn vị</th><th>Kết quả</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Tổng mức đầu tư dự án</td><td>Ivo</td><td>Đồng</td><td>4.000.000.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Doanh thu trung bình hàng năm</td><td>Oi</td><td>Đồng</td><td>3.475.550.126</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Chi phí trung bình hàng năm</td><td>Ci</td><td>Đồng</td><td>2.611.913.684</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Lợi nhuận trung bình hàng năm</td><td>Wi</td><td>Đồng</td><td>690.909.154</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Tỷ suất chiết khấu</td><td>r</td><td>%</td><td>7%</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Tỷ suất sinh lợi nội tại</td><td>IRR</td><td>%</td><td>23%</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Giá trị hiện tại thuần</td><td>NPV</td><td>Đồng</td><td>3.561.164.165</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Số Nghị Quyết/ Quyết định</th><th>Ngày ban hành</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td>8</td><td>Tỷ số lợi ích/chi phí</td><td>B/C</td><td></td><td>0,401</td></tr>
<tr><td>9</td><td>Thời gian hoàn vốn đầu tư</td><td>T</td><td>Năm</td><td>4 năm 10 tháng 6 ngày</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>22</td><td>Số 22/NQ-HĐQT</td><td>03/12/2019</td><td>
Thống nhất thông qua công tác cán bộ tại các Chi nhánh trực thuộc với các nội dung như sau:
1. Cho thôi kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh:
- Để ông Nguyễn Văn Phương; Sinh ngày: 11/02/1966 thôi kiêm nhiệm Quyền Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng, từ ngày 09/12/2019.
- Để ông Lê Tiến Công; Sinh ngày: 10/12/1971 thôi giữ chức vụ Quyền Giám đốc Chi nhánh Cảng Cái Cui, từ ngày 31/12/2019.
2. Bổ nhiệm chức danh Quyền Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng:
Thống nhất thông qua đề cử bổ nhiệm ông Lê Thành Công; Sinh ngày: 09/3/1975 hiện giữ chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu giữ chức Quyền Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng kể từ ngày 09/12/2019.
Thông qua danh sách quy hoạch cán bộ giới thiệu các chức danh Trưởng/Phó phòng, Giám đốc/Phó giám đốc các Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ giai đoạn 2019 – 2021 và giai đoạn 2021 – 2026.
Danh sách quy hoạch cán bộ giới thiệu các chức danh Trưởng/Phó phòng, Giám đốc/Phó giám đốc các Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ giai đoạn 2019 – 2021 và giai đoạn 2021 – 2026.
<table>
<tr><th>TT</th><th>Họ và tên</th><th>Năm sinh</th><th>Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay (Đảng, chính quyền, đoàn thể)</th><th>Dự nguồn của chức danh</th></tr>
<tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>12</td><td>13</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Hoàng Xuân Nam</td><td>1983</td><td>Phó trưởng phòng Kinh doanh khai thác - Thư ký Tổng Giám đốc</td><td>Trưởng phòng/Giám đốc chi nhánh</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Thái Thị Mỹ Linh</td><td>1976</td><td>Phó trưởng phòng Tài chính kế toán</td><td>Trưởng phòng/Giám đốc chi nhánh</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung

3	Trần Văn Bình	1973	Phó giám đốc - Chi nhánh Cảng Cái Cui	Trưởng phòng/Giám đốc chi nhánh
4	Nguyễn Thanh Tòng	1979	Phó giám đốc CN Cảng Cái Cui	Trưởng phòng/Giám đốc chi nhánh
5	Lê Thành Công	1975	Phó Giám đốc - Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu	Trưởng phòng/Giám đốc chi nhánh
6	Võ Thành Được	1986	Thư ký Công ty	Trưởng phòng/Giám đốc chi nhánh
7	Doãn Nguyễn Hồng Tâm	1979	Trưởng ban Kế toán - Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu	Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh
8	Trần Thị Thu Oanh	1977	Trưởng ban Kế toán - Chi nhánh Cảng Cái Cui	Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh
9	Trần Văn Thương	1978	Trưởng điều hành - Chi nhánh trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng	Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh
10	Đinh Duy Kết	1980	Trưởng điều hành - Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu	Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh
11	Phan Đại Thành	1977	Trưởng điều hành - Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu	Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh
12	Huỳnh Thu Hồng	1972	Đội trưởng Đội Giao nhận kho bãi - CN Cảng Hoàng Diệu	Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh

Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung

13	Trần Phương Hiền	1988	Kế toán viên - Phòng Tài chính kế toán	Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh
14	Nguyễn Minh Kha	1985	Trưởng điều hành - Chi nhánh Cảng Cái Cui	Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh
15	Trần Tấn Du	1977	Trưởng ban Tổ chức hành chính - Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu	Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh
16	Hà Thanh Bình	1975	Trưởng điều hành - Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu	Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh
17	Ung Văn Nhẫn	1969	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật	Trưởng phòng/Giám đốc chi nhánh
18	Hoàng Văn Sơn	1986	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật	Trưởng phòng/Giám đốc chi nhánh
19	Nguyễn Văn Hiền	1982	Quản lý Công nợ	Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh
20	Lê Minh Ngọt	1978	Trưởng điều hành - Chi nhánh Cảng Cái Cui	Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh
21	Trần Thị Thúy Bình	1987	Phó trưởng ban Tài chính kế toán - CN Cảng Hoàng Diệu	Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh
22	Lưu Thanh Phong	1985	Trưởng Trạm xăng dầu - Chi nhánh trung tâm Logistics Cảng	Phó Trưởng phòng/Phó Giám đốc chi nhánh

Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
			Sóc Trăng
23	Số 23/NQ-HĐQT	31/12/2019	Thống nhất điều chuyển lao động và các chức năng từ Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui về các phòng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui, đồng thời thành lập địa điểm kinh doanh Bến Cảng Cái Cui tại thời điểm 31/12/2019. Thống nhất điều chuyển lao động và các chức năng từ Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu về các phòng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu, đồng thời thành lập địa điểm kinh doanh Bến Cảng Hoàng Diệu tại thời điểm 31/12/2020. Thống nhất phê duyệt phương án tổ chức và nhân sự tái cơ cấu Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ
24	Số 01/QĐ-HĐQT	04/04/2019	Thống nhất phương án tái cấu trúc các phòng chức năng thuộc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ như sau: 1.- Giải thể Phòng Tổng hợp, thành lập các phòng chức năng kể từ **ngày 04/4/2019** gồm: - Phòng Kinh doanh khai thác; - Phòng Tổ chức Nhân sự; - Phòng Kỹ thuật. 2.- Cơ cấu bộ máy tổ chức mới sau khi thực hiện giải thể Phòng Tổng hợp gồm 04 phòng chức năng: - Phòng Kinh doanh Khai thác; - Phòng Tổ chức Nhân sự; - Phòng Kỹ thuật; - Phòng Tài chính kế toán. Điều chuyển chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tổng hợp về các phòng chức năng: Phòng Kinh doanh Khai thác; Phòng Nhân sự; Phòng Kỹ thuật.
25	Số 02/QĐ-HĐQT	23/04/2019	Thống nhất phê duyệt chủ trương lắp đặt hệ thống camera quan sát và thiết lập hệ thống mạng nội bộ
26	Số 03/QĐ-HĐQT	03/06/2019	Thống nhất phê duyệt chủ trương cải tạo cầu Cảng đặt cần cẩu tại Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu.
27	Số 04/QĐ-HĐQT	03/09/2019	Thống nhất thông qua chủ trương cho thuê mái nhà kho để lắp đặt hệ thống điện mặt trời với thời hạn 20 năm
28	Số 05/QĐ-	10/09/2019	Thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Công ty cổ phần

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Số Nghị Quyết/ Quyết định</th><th>Ngày ban hành</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td></td><td>HĐQT</td><td></td><td>Cảng Cần Thơ, gồm các thành viên có tên sau:
<table>
<tr><td>1.</td><td>Ông Lâm Tiến Dũng</td><td>Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT</td><td>Trưởng ban</td></tr>
<tr><td>2.</td><td>Ông Nguyễn Văn Phương</td><td>Phó Bí thư, Thành viên HĐQT, Q.Tổng giám đốc</td><td>Phó Trưởng ban thường trực</td></tr>
<tr><td>3.</td><td>Ông Phan Công Đức</td><td>Ủy viên Ban thường vụ, Thành viên HĐQT</td><td>Ủy viên</td></tr>
<tr><td>4.</td><td>Ông Nguyễn Văn Bá</td><td>Thành viên HĐQT</td><td>Ủy viên</td></tr>
<tr><td>5.</td><td>Ông Tạ Khả Duy</td><td>Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Cảng Cái Cui</td><td>Ủy viên</td></tr>
<tr><td>6.</td><td>Ông Lê Tiến Công</td><td>Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu</td><td>Ủy viên</td></tr>
<tr><td>7.</td><td>Ông Nguyễn Tư Nguyện</td><td>Chủ tịch Công đoàn</td><td>Ủy viên</td></tr>
<tr><td>8.</td><td>Ông Trịnh Thanh Tùng</td><td>Trưởng phòng Tổ chức Nhân sự</td><td>Ủy viên</td></tr>
<tr><td>9.</td><td>Ông Lâm Trúc Sơn</td><td>Kế toán trưởng Công ty</td><td>Ủy viên</td></tr>
<tr><td>10.</td><td>Ông Phạm Hoàng Trãi</td><td>Phó giám đốc Chi nhánh Trung tâm Logictics - Cảng Sóc Trăng</td><td>Ủy viên</td></tr>
<tr><td>11.</td><td>Ông Trần Văn Bình</td><td>Phó giám đốc CN Cảng Cái Cui</td><td>Ủy viên Thư ký</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>29</td><td>Số 06/QĐ-HĐQT</td><td>16/10/2019</td><td>Thống nhất thông qua danh sách (đính kèm) bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2019-2021 và quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026 đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng
Danh sách nhân sự giới thiệu quy hoạch bổ sung các chức danh Tổng</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Số Nghị Quyết/ Quyết định</th><th>Ngày ban hành</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng giai đoạn 2019-2021.
<table>
<tr><th>TT</th><th>Họ và tên</th><th>Ngày, tháng, năm sinh</th><th>Chức vụ, đơn vị công tác</th></tr>
<tr><td colspan="4">I. CHỨC DANH TỔNG GIÁM ĐỐC</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Lê Tiến Công</td><td>10/12/1971</td><td>Phó Tổng giám đốc</td></tr>
<tr><td colspan="4">II. CHỨC DANH PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Lâm Trúc Sơn</td><td>03/03/1967</td><td>Kế toán trưởng</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Trịnh Thanh Tùng</td><td>10/07/1978</td><td>Trưởng phòng</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Lê Thành Công</td><td>09/03/1975</td><td>Phó Giám đốc - Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Trần Hồng Phong</td><td>10/11/1978</td><td>Trưởng phòng Kinh doanh Khai thác</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Hoàng Xuân Nam</td><td>15/09/1983</td><td>Phó trưởng phòng Kinh doanh Khai thác -Thư ký Tổng Giám đốc</td></tr>
<tr><td colspan="4">III. CHỨC DANH KẾ TOÁN TRƯỞNG</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Thái Thị Mỹ Linh</td><td>07/10/1976</td><td>Phó trưởng phòng Tài chính kế toán</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Trần Thị Thu Oanh</td><td>10/03/1977</td><td>Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Cái Cui</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Doãn Nguyễn Hồng Tâm</td><td>15/08/1979</td><td>Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
</table>
Danh sách nhân sự giới thiệu quy hoạch bổ sung các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng giai đoạn 2021-2026
<table>
<tr><th>TT</th><th>Họ và tên</th><th>Ngày, tháng, năm sinh</th><th>Chức vụ, đơn vị công tác</th></tr>
<tr><td colspan="4">I. CHỨC DANH TỔNG GIÁM ĐỐC</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Số Nghị Quyết/ Quyết định</th><th>Ngày ban hành</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td>1</td><td>Nguyễn Văn Phương</td><td>11/02/1966</td><td>Quyền Tổng giám đốc</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Lê Tiến Công</td><td>10/12/1971</td><td>Phó Tổng giám đốc</td></tr>
<tr><td colspan="4">II. CHỨC DANH PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Lâm Trúc Sơn</td><td>03/03/1967</td><td>Kế toán trưởng</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Trịnh Thanh Tùng</td><td>10/07/1978</td><td>Trưởng phòng</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Lê Thành Công</td><td>09/03/1975</td><td>Phó Giám đốc - Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Trần Hồng Phong</td><td>10/11/1978</td><td>Trưởng phòng Kinh doanh Khai thác</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Hoàng Xuân Nam</td><td>15/09/1983</td><td>Phó trưởng phòng Kinh doanh Khai thác -Thư ký Tổng Giám đốc</td></tr>
<tr><td colspan="4">III. CHỨC DANH KẾ TOÁN TRƯỞNG</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Thái Thị Mỹ Linh</td><td>07/10/1976</td><td>Phó trưởng phòng Tài chính kế toán</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Trần Thị Thu Oanh</td><td>10/03/1977</td><td>Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Cái Cui</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Doãn Nguyễn Hồng Tâm</td><td>15/08/1979</td><td>Trưởng ban Kế toán - CN Cảng Hoàng Diệu</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>30</td><td>Số 07/QĐ-HĐQT</td><td>16/10/2019</td><td>Thống nhất thông qua chủ trương và ủy quyền cho Quyền Tổng giám đốc thuê cần cẩu chân đế 40 tấn của Công ty cổ phần Nhật Việt (Vietsunlines) với thời hạn là 02 năm và hợp tác với Công ty cổ phần Nhật Việt khai thác cần cẩu với mức chia sẻ doanh thu hàng tháng theo tỉ lệ Cảng Cần Thơ 60%, Vietsunlines 40% từ năm thứ 02 trở đi</td></tr>
<tr><td>31</td><td>Số 08/QĐ-HĐQT</td><td>16/10/2019</td><td>Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác văn thư-lưu trữ; hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính</td></tr>
<tr><td>32</td><td>Số 09/QĐ-HĐQT</td><td>16/10/2019</td><td>Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin đăng ký giao dịch tại sàn chứng khoán Hà Nội</td></tr>
<tr><td>33</td><td>Số 10/QĐ-HĐQT</td><td>16/10/2019</td><td>Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các Chi nhánh trực thuộc của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.</td></tr>
<tr><td>34</td><td>Số 11/QĐ-</td><td>16/10/2019</td><td>Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của</td></tr>
</table>

Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
	HĐQT		Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sửa đổi lần 2).
35	Số 12/QĐ-HĐQT	16/10/2019	Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý nợ tại Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sửa đổi lần 1).
36	Số 13/QĐ-HĐQT	16/10/2019	Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại doanh nghiệp khác (sửa đổi lần 1).
37	Số 14/QĐ-HĐQT	16/10/2019	Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sửa đổi lần 2).
38	Số 15/QĐ-HĐQT	16/10/2019	Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển dụng và đào tạo cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sửa đổi lần 1).
39	Số 16/QĐ-HĐQT	16/10/2019	Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sửa đổi lần 1).
40	Số 17/QĐ-HĐQT	16/10/2019	Thống nhất thông qua chủ trương cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây cáp điện tại Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui
41	Số 18/QĐ-HĐQT	16/10/2019	Thống nhất thông qua chủ trương cho Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất thuê bãi của Cảng Cần Thơ để lắp đặt xilo chứa hàng xỉ lò cao với thời hạn mười (10) năm
42	Số 19/QĐ-HĐQT	24/10/2019	Thống nhất thông qua chủ trương và ủy quyền cho Quyền Tổng giám đốc thực hiện kiểm định cẩu Cảng số 02 tại Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui.
43	Số 20/QĐ-HĐQT	08/11/2019	Thống nhất phê duyệt đầu tư 01 cần cẩu bánh xích với các nội dung như sau: **1. Tên dự án:** Đầu tư 01 cần cẩu bánh xích đã qua sử dụng. **2. Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ **3. Mục tiêu đầu tư** Đầu tư 01 cần cẩu bánh xích tạo điều kiện thuận lợi cho bốc xếp hàng hóa siêu trường siêu trọng, tăng hệ số khai thác, nâng cao năng lực bốc xếp hàng hóa của Cảng, kích thích tăng trưởng lượng hàng thông qua Cảng. Đồng thời, tạo doanh thu ổn định, giảm chi phí thuê ngoài và hoàn thành các chỉ tiêu tăng trưởng hàng năm. **4. Nội dung và quy mô đầu tư:** Mua 01 cần cẩu bánh xích 90 tấn đã qua sử dụng. **5. Tiến độ thực hiện:** Quý IV/2019. **6. Nguồn vốn đầu tư**

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Số Nghị Quyết/ Quyết định</th><th>Ngày ban hành</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td>Tổng mức đầu tư dự kiến là: 4.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ đồng) (bao gồm thuế VAT).
Nguồn vốn: chuyển từ vốn thuê bao tài chính sang vốn tự có của Cảng Cần Thơ.
Với tình hình tài chính hiện nay của Công ty có khả năng để đầu tư thực hiện dự án trên.
7. Hiệu quả đầu tư
Một số chỉ tiêu hiệu quả đầu tư
<table>
<tr><th>STT</th><th>Chỉ tiêu</th><th>Ký hiệu</th><th>Đơn vị</th><th>Kết quả</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Tổng mức đầu tư dự án</td><td>Ivo</td><td>Đồng</td><td>4.000.000.000</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Doanh thu trung bình hàng năm</td><td>Oi</td><td>Đồng</td><td>3.475.550.126</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Chi phí trung bình hàng năm</td><td>Ci</td><td>Đồng</td><td>2.611.913.684</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Lợi nhuận trung bình hàng năm</td><td>Wi</td><td>Đồng</td><td>690.909.154</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Tỷ suất chiết khấu</td><td>r</td><td>%</td><td>7%</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Tỷ suất sinh lợi nội tại</td><td>IRR</td><td>%</td><td>23%</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Giá trị hiện tại thuần</td><td>NPV</td><td>Đồng</td><td>3.561.164.165</td></tr>
<tr><td>8</td><td>Tỷ số lợi ích/chi phí</td><td>B/C</td><td></td><td>0,401</td></tr>
<tr><td>9</td><td>Thời gian hoàn vốn đầu tư</td><td>T</td><td>Năm</td><td>4 năm 10 tháng 6 ngày</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>44</td><td>Số 21/QĐ-HĐQT</td><td>03/12/2019</td><td>Thống nhất để ông Nguyễn Văn Phương thôi kiêm nhiệm chức danh Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng, từ ngày 09/12/2019</td></tr>
<tr><td>45</td><td>Số 22/QĐ-HĐQT</td><td>03/12/2019</td><td>Thống nhất để ông Lê Tiến Công thôi kiêm nhiệm chức danh Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui, từ ngày 31/12/2019.</td></tr>
<tr><td>46</td><td>Số 23/QĐ-HĐQT</td><td>31/12/2019</td><td>Thống nhất điều chuyển lao động và các chức năng từ Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui về các phòng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần</td></tr>
</table>

Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
			Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui, đồng thời thành lập địa điểm kinh doanh Bến Cảng Cái Cui tại thời điểm 31/12/2019. Thống nhất điều chuyển lao động và các chức năng từ Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu về các phòng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu, đồng thời thành lập địa điểm kinh doanh Bến Cảng Hoàng Diệu tại thời điểm 31/12/2020. thống nhất phê duyệt phương án tổ chức và nhân sự tái cơ cấu Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Activities of independent members of the Board of Directors. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ Activities of the committees of the Board of Directors: Không.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate gorvenance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.

LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Lâm Tiến Dũng – Chủ tịch HĐQT	
Năm sinh	*09/11/1963*
Nơi sinh	*Cần Thơ*
Trình độ chuyên môn	*Kỹ sư Máy tàu thủy, Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển*
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	*3.200*
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	*8.557.300*
2. Ông Nguyễn Văn Phương – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc *(xem phần lý lịch Ban TGĐ)*	
3. Ông Nguyễn Văn Bá – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	*19/07/1962*
Nơi sinh	*Cần Thơ*
Trình độ chuyên môn	*Cử nhân Luật*
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	*3.200*

Số cổ phiếu đại diện sở hữu	*5.696.000*
4. Ông Phan Công Đức – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	*20/10/1960*
Nơi sinh	*Hậu Giang*
Trình độ chuyên môn	*Cử nhân Quản trị kinh doanh*
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	*6.200*
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	*5.696.000*

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Members and structure of the Board of Supervisors:

CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Hồng Hải	Trương Ban	-	-
2	Trịnh Thanh Tùng	Thành viên	1.900	0,01%
3	Nguyễn Văn Hiền	Thành viên	-	-

LÝ LỊCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Nguyễn Hồng Hải – Trưởng Ban Kiểm Soát	
Năm sinh	27/10/1975
Nơi sinh	Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
2. Ông Trịnh Thanh Tùng – Thành viên BKS	
Năm sinh	10/07/1978
Nơi sinh	Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế Lao động, Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	1.900

Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
3. Ông Nguyễn Văn Hiền – Thành viên BKS	
Năm sinh	15/12/1982
Nơi sinh	Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát/Activities of the Board of Supervisors:

- Theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định trong Luật và Điều lệ Công ty, với kinh nghiệm và tinh thần làm việc trách nhiệm, nghiêm túc trước Đại hội đồng cổ đông, năm 2019 Ban Kiểm soát đã thực hiện những hoạt động như sau:

+ Xây dựng và ban hành kế hoạch cụ thể năm 2019.

+ Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo Luật doanh nghiệp, theo Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

+ Phối hợp cùng các phòng chuyên môn công ty rà soát, đánh giá các rủi ro tiềm ẩn và rủi ro trọng yếu nhằm xây dựng và đề xuất kế hoạch kiểm soát năm 2019.

+ Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát hoạt động tài chính của Công ty. Hoạt động của Ban Kiểm soát luôn độc lập với hoạt động điều hành của Công ty. Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát luôn chủ động nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ.

+ Năm 2019, Ban Kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ (1 năm 2 lần) với Kiểm toán độc lập AFC (Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ) để trao đổi về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán, và các vấn đề được nêu trong thư quản lý. Theo đó, các hoạt động của Công ty rõ ràng, minh bạch, không phát hiện những vi phạm nghiêm trọng nào về kế toán, tài chính, cũng như quy trình hoạt động. Ngoài ra, Ban Kiểm soát cũng tiến hành phân tích báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo soát xét 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2019 và số liệu Ban điều hành trình bày tại các cuộc họp HĐQT.

+ Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ trong Công ty để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao. Đối với cổ đông, Ban Kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty cũng như về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Nhìn chung, Ban Kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2019 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của Công ty. Để thực hiện tốt công tác kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2020 như sau:

- Soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 và Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh 6 tháng và cả năm 2020.

- Tiếp tục xem xét tính hợp lý của các quy định nội bộ, phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty..

- Xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

- Tiếp tục duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban trong công ty.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị và việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty; Việc tuân thủ quy chế, quy định của Công ty.

- Phối hợp với các phòng ban kiểm tra hoạt động kinh doanh, ban hành quy định nội bộ tại chi nhánh của Công ty.

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và các vấn đề có liên quan; Thảo luận với kiểm toán độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Tổng giám đốc Công ty; Phối hợp với Kiểm toán độc lập để xem xét để xem xét các ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện những kiến nghị của Kiểm toán độc lập.

- Công tác triển khai các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và quy định nội bộ của Công ty.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

- Phối hợp với HĐQT giám sát hoạt động của Ban Tổng giám tuân thủ Điều lệ doanh nghiệp, quy định nội bộ và quy định của pháp luật

- Kiến nghị/phối hợp với HĐQT và ban Tổng giám đốc hoàn thiện quy định nội bộ để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc triển khai kế hoạch thu hồi và xử lý nợ quá hạn.

- Giám sát việc công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định của Luật Chứng khoán khoán và các văn bản hướng dẫn.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/năm (đồng)	Lương, thưởng/ năm (đồng)
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch		312.000.000
2	Nguyễn Văn Bá	Thành viên		264.000.000
3	Phan Công Đức	Thành viên		264.000.000
4	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	24.000.000	288.000.000
5	Nguyễn Hồng Hải	Trương BKS	24.000.000	
6	Trịnh Thanh Tùng	Thành viên BKS	18.000.000	
7	Nguyễn Văn Hiền	Thành viên BKS	18.000.000	
8	Lê Tiến Công	Phó TGĐ		240.000.000
9	Tạ Khả Duy	Phó TGĐ		240.000.000
10	Lâm Trúc Sơn	Kế toán trưởng		240.000.000
	Tổng cộng		**84.000.000**	**1.848.000.000**

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ Transactions of internal shareholders: Không

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders: Không

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Implementation of regulations on corporate governance: Không

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions: Chấp nhận toàn phần

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements

Cần Thơ, ngày 18 tháng 04 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1801319907 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
Q. CÁI RĂNG - TP. CẦN THƠ

Nguyễn Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

Tháng 3 năm 2020

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
Ký ngày: 30/3/2020 15:59:33

MỤC LỤC

NỘI DUNG	**TRANG**
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được Kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên
Ông Phan Công Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Phương	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban
Ông Trịnh Thanh Tùng	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Văn Hiền	Kiểm soát viên

Kế toán trưởng

Ông Lâm Trúc Sơn	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện phát sinh nào khác sau ngày 31/12/2019 có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 1801319907 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
Q. CÁI RĂNG - TP. CẦN THƠ

Nguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc
Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Số: 131/2020/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26/03/2020, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế; tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Công việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Công việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù và chi tiết hơn áp dụng riêng cho công tác kiểm toán quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty được kiểm toán và Kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác, các kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán và kết luận chấp nhận toàn phần trên Báo cáo kiểm toán tại ngày 11/03/2019.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
UHY
MSDN: 0102021062
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Minh Long	**Lê Quang Nghĩa**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1	Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3660-2017-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**69.280.392.280**	**60.669.938.084**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**15.586.510.135**	**9.130.574.639**
Tiền	111		13.556.314.857	9.130.574.639
Các khoản tương đương tiền	112		2.030.195.278	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**13**	**8.787.350.000**	**8.787.350.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.787.350.000	8.787.350.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**42.364.902.731**	**36.811.431.617**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	29.127.217.799	27.018.906.869
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.811.900.549	5.928.897.176
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	15.728.680.701	9.247.842.584
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(7.302.896.318)	(5.384.215.012)
Hàng tồn kho	**140**	**9**	**1.070.805.759**	**720.464.397**
Hàng tồn kho	141		1.070.805.759	720.464.397
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.470.823.655**	**5.220.117.431**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	874.685.939	3.128.043.106
Thuế GTGT được khấu trừ	152		596.137.716	2.092.074.325
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**304.304.981.324**	**319.950.049.631**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**120.485.000**	**120.485.000**
Phải thu dài hạn khác	216	7	120.485.000	120.485.000
Tài sản cố định	**220**		**222.963.721.557**	**237.751.875.312**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	217.958.991.620	232.545.857.567
- Nguyên giá	*222*		*445.537.916.964*	*444.235.221.300*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(227.578.925.344)*	*(211.689.363.733)*
Tài sản cố định vô hình	227	11	5.004.729.937	5.206.017.745
- Nguyên giá	*228*		*8.055.335.602*	*8.055.335.602*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(3.050.605.665)*	*(2.849.317.857)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**73.318.854.447**	**74.585.764.194**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	73.318.854.447	74.585.764.194
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**13**	**4.497.251.573**	**4.497.251.573**
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.497.251.573	4.497.251.573
Tài sản dài hạn khác	**260**		**3.404.668.747**	**2.994.673.552**
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	3.404.668.747	2.994.673.552
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**373.585.373.604**	**380.619.987.715**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**112.945.808.996**	**123.927.414.912**
Nợ ngắn hạn	**310**		**16.275.411.166**	**51.593.345.014**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.023.788.928	4.390.614.712
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		90.166.572	10.280.800
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	864.063.785	966.974.215
Phải trả người lao động	314		1.710.177.360	1.708.783.848
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	4.244.541.403	1.963.530.997
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	165.840.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	7.947.212.622	37.048.539.946
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	221.136.073	5.496.136.073
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.484.423	8.484.423
Nợ dài hạn	**330**		**96.670.397.830**	**72.334.069.898**
Phải trả dài hạn khác	337	18	21.453.076.302	21.192.392.302
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	75.217.321.528	51.141.677.596
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**260.639.564.608**	**256.692.572.803**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**260.639.564.608**	**256.692.572.803**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*275.281.179.597*	*275.281.179.597*
Quỹ đầu tư phát triển	418		646.231.180	646.231.180
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(15.287.846.169)	(19.234.837.974)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*(19.234.837.974)*	*(12.357.901.053)*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*3.946.991.805*	*(6.876.936.921)*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**373.585.373.604**	**380.619.987.715**

Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Q. Tổng Giám đốc
Thái Thị Mỹ Linh	Lâm Trúc Sơn	Nguyễn Văn Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**21**	**113.790.377.438**	**96.803.715.149**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**113.790.377.438**	**96.803.715.149**
Giá vốn hàng bán	11	22	94.365.995.276	75.841.637.808
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	**20**		**19.424.382.162**	**20.962.077.341**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.241.481.237	1.543.611.217
Chi phí tài chính	22	24	-	60.022.521
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	*57.522.521*
Chi phí bán hàng	25	25	921.500.635	1.666.794.725
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	25.670.709.469	28.273.342.772
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(4.926.346.705)**	**(7.494.471.460)**
Thu nhập khác	31		8.992.012.736	625.830.468
Chi phí khác	32		118.674.226	8.295.929
Lợi nhuận khác	**40**		**8.873.338.510**	**617.534.539**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**3.946.991.805**	**(6.876.936.921)**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**3.946.991.805**	**(6.876.936.921)**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**27**	**143**	**(250)**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**28**	**143**	**(250)**

Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Q. Tổng Giám đốc
Thái Thị Mỹ Linh	Lâm Trúc Sơn	Nguyễn Văn Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**3.946.991.805**	**(6.876.936.921)**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		16.090.849.419	16.295.263.955
Các khoản dự phòng	03		1.918.681.306	5.037.777.945
(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(64.328)	(6.083.543)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(2.241.416.909)	(82.177.055)
Chi phí lãi vay	06		-	27.949.651
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***19.715.041.293***	***14.395.794.032***
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09		2.980.659.777	(5.840.583.936)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(350.341.362)	69.606.602
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11		(16.437.823.093)	6.061.257.017
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		1.894.361.972	(3.308.837.540)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(27.949.651)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(292.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***7.801.898.587***	***11.057.086.524***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.414.922.110)	(16.040.627.204)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(8.787.350.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		1.068.894.691	82.177.055
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(1.346.027.419)***	***(24.745.800.149)***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		56.416.677.596	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(56.416.677.596)	(600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	***(600.000.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**6.455.871.168**	**(14.288.713.625)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4**	**9.130.574.639**	**23.413.204.721**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		64.328	6.083.543
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4**	**15.586.510.135**	**9.130.574.639**

Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Q. Tổng Giám đốc
Thái Thị Mỹ Linh	Lâm Trúc Sơn	Nguyễn Văn Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được Cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 19 tháng 04 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: số 02, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 157 người.

1.2 LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (kho ngoại quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuế hải quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài;

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng	Số 272 đường Cao Thắng, khóm 6, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu	27 đường Lê Hồng Phong, phương Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui	số 02, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi Thông tư 200) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; Hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã tính mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	*Thời gian sử dụng (năm)*
- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 47
- Máy móc, thiết bị	02 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 18
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06
- Tài sản cố định khác	02 - 14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời giam phân bổ 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

3.7 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:
- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

3.9 CHI PHÍ LÃI VAY

Chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	2.287.249.861	1.568.543.850
Tiền gửi ngân hàng	11.269.064.996	7.562.030.789
	15.586.510.135	**9.130.574.639**

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	**874.685.939**	**3.128.043.106**
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	432.379.209	200.194.665
- Chi phí thuê cảng Sóc Trăng	-	2.400.000.000
- Các chi phí khác chờ phân bổ	442.306.730	527.848.441
Dài hạn	**3.404.668.747**	**2.994.673.552**
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	842.743.657	1.038.346.168
- Chi phí sửa chữa	1.481.441.281	971.618.643
- Các chi phí khác chờ phân bổ	1.080.483.809	984.708.741
	4.279.354.686	**6.122.716.658**

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**29.127.217.799**	**(6.116.851.790)**	**27.018.906.869**	**(4.283.809.725)**
- Công ty TNHH Thạnh Phương	1.747.847.070	-	3.689.691.080	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Hàng hải Miền Bắc	1.173.000.000	(536.500.000)	1.473.000.000	(321.900.000)
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	3.014.569.331	(726.719.173)	1.511.779.823	(436.031.504)
- Các khách hàng khác	23.191.801.398	(4.853.632.617)	20.344.435.966	(3.525.878.221)
Dài hạn	-	-	-	-
	29.127.217.799	**(6.116.851.790)**	**27.018.906.869**	**(4.283.809.725)**
Phải thu là các bên liên quan	**119.077.200**	-	-	-
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	119.077.200	-	-	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	**15.728.680.701**	**(282.544.528)**	**9.247.842.584**	**(196.905.287)**
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	4.579.380.149	-	3.998.039.473	-
- Ký cược, ký quỹ	8.600.000	-	18.700.000	-
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	348.101.000	-	-	-
- Lãi dự thu - Ngân hàng TMCP Tiên Phong	485.350.619	-	-	-
- Phải thu lợi nhuận hợp tác kinh doanh Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	4.542.185.443	-	3.369.663.225	-
- Công ty TNHH Thạnh Phương	1.611.535.840	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	4.153.527.650	(282.544.528)	1.861.439.886	(196.905.287)
Dài hạn	**120.485.000**	**-**	**120.485.000**	**-**
- Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	105.485.000	-	105.485.000	-
	15.849.165.701	**(282.544.528)**	**9.368.327.584**	**(196.905.287)**
Phải thu khác là các bên liên quan	**4.890.286.443**	**-**	**3.369.663.225**	**-**
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	348.101.000	-	-	-
- Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	4.542.185.443	-	3.369.663.225	-

8. NỢ XẤU

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trích lập dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	**9.557.388.637**	**6.116.851.790**	**3.440.536.847**	**8.497.599.129**	**4.283.809.725**	**4.213.789.404**
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	3.014.569.331	726.719.173	2.287.850.158	1.511.779.823	436.031.504	1.075.748.319
- Công ty Cổ phần Cơ khí Hàng hải Miền Bắc	1.173.000.000	536.500.000	636.500.000	1.473.000.000	321.900.000	1.151.100.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Phúc Cường	645.000.000	645.000.000	-	645.000.000	451.500.000	193.500.000
- DNTN Thương mại và Dịch vụ Hoàng Việt	371.917.505	371.917.505	-	371.917.505	260.342.254	111.575.252
- Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản xuất khẩu Hưng Phú	255.071.282	255.071.282	-	255.071.282	255.071.282	-
- Công ty TNHH MTV Q&D	631.331.990	631.331.990	-	631.331.990	441.932.393	189.399.597
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thúy Sơn - HG	985.149.053	689.604.337	295.544.716	1.125.149.053	492.574.526	632.574.527
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.481.349.476	2.260.707.503	220.641.973	2.484.349.476	1.624.457.766	859.891.710
Phải thu khác	**381.151.975**	**282.544.528**	**98.607.447**	**293.931.975**	**196.905.287**	**97.026.688**
- Ông Đặng Trường Sơn	86.668.825	86.668.825	-	86.668.825	60.668.178	26.000.648
- Ông Phan Nguyễn Nhã Trúc	42.485.000	42.485.000	-	42.485.000	29.739.500	12.745.500
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	57.000.000	57.000.000	-	57.000.000	39.900.000	17.100.000
- Các khoản phải thu khác	194.998.150	96.390.703	98.607.447	107.778.150	66.597.609	41.180.541
Ứng trước cho Nhà cung cấp	**903.500.000**	**903.500.000**	**-**	**903.500.000**	**903.500.000**	**-**
- Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Miền Nam	278.000.000	278.000.000	-	278.000.000	278.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Quân đô	625.500.000	625.500.000	-	625.500.000	625.500.000	-
Tổng Cộng	**10.842.040.612**	**7.302.896.318**	**3.539.144.294**	**9.695.031.104**	**5.384.215.012**	**4.310.816.092**

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.913.736	-	44.128.374	-
Công cụ, dụng cụ	303.102.730	-	308.351.547	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	36.739.339	-
Hàng hóa	740.789.293	-	331.245.137	-
	1.070.805.759	**-**	**720.464.397**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2019	**362.624.788.696**	**11.127.297.972**	**69.651.918.014**	**472.610.000**	**358.606.618**	**444.235.221.300**
- Mua trong năm	103.408.182	309.438.000	428.267.200	-	461.582.282	1.302.695.664
31/12/2019	**362.728.196.878**	**11.436.735.972**	**70.080.185.214**	**472.610.000**	**820.188.900**	**445.537.916.964**
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2019	**(156.157.697.920)**	**(6.294.570.872)**	**(48.471.031.878)**	**(456.329.051)**	**(309.734.012)**	**(211.689.363.733)**
- Khấu hao trong năm	(11.683.711.410)	(619.108.483)	(3.544.018.629)	(13.447.634)	(29.275.455)	(15.889.561.611)
31/12/2019	**(167.841.409.330)**	**(6.913.679.355)**	**(52.015.050.507)**	**(469.776.685)**	**(339.009.467)**	**(227.578.925.344)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2019	**206.467.090.776**	**4.832.727.100**	**21.180.886.136**	**16.280.949**	**48.872.606**	**232.545.857.567**
31/12/2019	**194.886.787.548**	**4.523.056.617**	**18.065.134.707**	**2.833.315**	**481.179.433**	**217.958.991.620**

Tại ngày 31/12/2019:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 38.977.093.837 đồng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2019	**7.803.335.602**	**252.000.000**	**8.055.335.602**
31/12/2019	**7.803.335.602**	**252.000.000**	**8.055.335.602**
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2019	**(2.672.917.857)**	**(176.400.000)**	**(2.849.317.857)**
- Khấu hao trong năm	(150.887.808)	(50.400.000)	(201.287.808)
31/12/2019	**(2.823.805.665)**	**(226.800.000)**	**(3.050.605.665)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2019	**5.130.417.745**	**75.600.000**	**5.206.017.745**
31/12/2019	**4.979.529.937**	**25.200.000**	**5.004.729.937**

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công trình cảng Cái Cui	73.026.399.901	73.804.769.721
Công trình khác	292.454.546	780.994.473
	73.318.854.447	**74.585.764.194**

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

13.1 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng (1)	8.787.350.000	8.787.350.000	8.787.350.000	8.787.350.000
	8.787.350.000	**8.787.350.000**	**8.787.350.000**	**8.787.350.000**

(1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 7%/năm tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

13.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4.497.251.573	-	-	4.497.251.573	-	-
+ Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn (2)	*4.497.251.573*	-		*4.497.251.573*	-	
	4.497.251.573	**-**	**-**	**4.497.251.573**	**-**	**-**

(2) Đây là khoản góp vốn thành lập Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn với vốn điều lệ đăng ký theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 20.000.000.000 đồng (Công ty góp 10.000.000.000 đồng chiếm 50% vốn điều lệ). Đến ngày 31/12/2019, Công ty đã góp 4.497.251.573 đồng (tương ứng 22,49%).

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**1.023.788.928**	**1.023.788.928**	**4.390.614.712**	**4.390.614.712**
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trí Việt	-	-	2.069.689.000	2.069.689.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Hiệp Phong	-	-	950.700.000	950.700.000
- Công ty TNHH Xây dựng Thủy lợi Cửu Long	97.703.208	97.703.208	-	-
- Đối tượng khác	926.085.720	926.085.720	1.370.225.712	1.370.225.712
Dài hạn	-	-	-	-
	1.023.788.928	**1.023.788.928**	**4.390.614.712**	**4.390.614.712**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	865.352.480	3.159.091.733	3.262.002.163	762.442.050
- Thuế thu nhập cá nhân	964.035	-	-	964.035
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	100.657.700	6.397.350.312	6.397.350.312	100.657.700
- Các loại thuế khác	-	97.288.943	97.288.943	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	108.492.414	108.492.414	-
	966.974.215	**9.762.223.402**	**9.865.133.832**	**864.063.785**

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	**4.244.541.403**	**1.963.530.997**
- Trích trước chi phí cước vận chuyển, bốc xếp	3.649.031.764	1.949.638.997
- Trích trước chi phí thuê kho	123.444.000	-
- Các khoản trích trước khác	472.065.639	13.892.000
Dài hạn	-	-
	4.244.541.403	**1.963.530.997**

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	**165.840.000**	-
- Doanh thu cho thuê kho, thuê văn phòng	165.840.000	-
Dài hạn	-	-
	165.840.000	-

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	**7.947.212.622**	**37.048.539.946**
- Kinh phí công đoàn	27.623.688	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	59.550.560
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.140.686.650	1.609.186.650
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.778.902.284	35.379.802.736
+ *Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam*	*6.165.297.279*	*7.041.199.909*
+ *Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam*	-	*19.844.403.687*
+ *Các khoản phải trả, phải nộp khác*	*613.605.005*	*8.494.199.140*
Dài hạn	**21.453.076.302**	**21.192.392.302**
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.429.558.200	1.168.874.200
- Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư	20.023.518.102	20.023.518.102
	29.400.288.924	**58.240.932.248**
Phải trả, phải nộp khác là các bên liên quan	**6.165.297.279**	**7.041.199.909**
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	6.165.297.279	7.041.199.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Nội dung	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ ngắn hạn	**221.136.073**	**221.136.073**	-	-	**5.496.136.073**	**5.496.136.073**
Vay ngắn hạn	***221.136.073***	***221.136.073***	-	-	***221.136.073***	***221.136.073***
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	221.136.073	221.136.073	-	-	221.136.073	221.136.073
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	***5.275.000.000***	***5.275.000.000***
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	-	-	-	5.275.000.000	5.275.000.000	5.275.000.000
Vay và nợ dài hạn	**75.217.321.528**	**75.217.321.528**	**75.217.321.528**	**51.141.677.596**	**51.141.677.596**	**51.141.677.596**
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	-	-	-	51.141.677.596	51.141.677.596	51.141.677.596
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (2)	75.217.321.528	75.217.321.528	75.217.321.528	-	-	-
	75.438.457.601	**75.438.457.601**	**75.217.321.528**	**51.141.677.596**	**56.637.813.669**	**56.637.813.669**
Vay và nợ với bên liên quan	**75.438.457.601**	**75.438.457.601**	**75.217.321.528**	-	**221.136.073**	**221.136.073**
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	75.217.321.528	75.217.321.528	75.217.321.528	-	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	221.136.073	221.136.073	-	-	221.136.073	221.136.073

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2009/HĐTDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ký ngày 27/10/2009 với các điều khoản sau:
- Tổng số tiền cho vay: 253.684.000.000 đồng;
- Thời gian cho vay: 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình dự án Cái Cui - giai đoạn 2;
- Lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi;
- Biện pháp đảm bảo: Toàn bộ tài sản theo dự án đầu tư cảng Cái Cui - giai đoạn 1 và các tài sản hình thành trong tương lai theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình dự án Cái Cui - giai đoạn 2.

(2) Trong năm 2019, Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam đã thanh toán hộ Công ty toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương, bao gồm nợ gốc là 56.416.677.596 đồng và nợ lãi là 18.800.643.932 đồng theo Công văn số 323 ngày 25/09/2019 và Công văn 437/CCT-TCKT ngày 24/12/2019 Công ty gửi cho Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	**275.281.179.597**	**646.231.180**	**(12.357.901.053)**	**263.569.509.724**
- Lỗ năm trước	-	-	(6.876.936.921)	(6.876.936.921)
31/12/2018	**275.281.179.597**	**646.231.180**	**(19.234.837.974)**	**256.692.572.803**
01/01/2019	**275.281.179.597**	**646.231.180**	**(19.234.837.974)**	**256.692.572.803**
- Lãi năm này	-	-	3.946.991.805	3.946.991.805
31/12/2019	**275.281.179.597**	**646.231.180**	**(15.287.846.169)**	**260.639.564.608**

20.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	272.566.179.597	272.566.179.597
Các cổ đông khác	2.715.000.000	2.715.000.000
	275.281.179.597	**275.281.179.597**

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	275.281.179.597	275.281.179.597
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.528.118	27.528.118
+ Cổ phiếu phổ thông	*27.528.118*	*27.528.118*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
+ Cổ phiếu phổ thông	*27.528.118*	*27.528.118*
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.5 CÁC QUỸ

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	646.231.180	646.231.180

21. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng	15.932.550.666	17.435.354.092
Doanh thu cung cấp dịch vụ	97.857.826.772	79.368.361.057
	113.790.377.438	**96.803.715.149**
Doanh thu với các bên liên quan	**108.252.000**	**-**
+ Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH MTV	108.252.000	-

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	15.214.871.318	16.804.261.768
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	79.151.123.958	59.037.376.040
	94.365.995.276	**75.841.637.808**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	668.959.019	573.611.217
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.572.522.218	970.000.000
	2.241.481.237	**1.543.611.217**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	-	57.522.521
Chi Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	2.500.000
	-	**60.022.521**

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	**25.670.709.469**	**28.273.342.772**
- Chi phí nhân viên quản lý	13.069.220.883	12.591.748.862
- Chi phí bằng tiền khác	12.601.488.586	15.681.593.910
Các khoản chi phí bán hàng	**921.500.635**	**1.666.794.725**
- Chi phí nhân viên bán hàng	461.155.944	380.399.244
- Chi phí khác	460.344.691	1.286.395.481
	26.592.210.104	**29.940.137.497**

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	6.528.913.021	21.838.097.996
Chi phí nhân công	32.591.178.471	19.652.312.298
Khấu hao tài sản cố định	16.134.702.128	16.295.263.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.763.336.806	24.719.988.598
Chi phí khác	19.725.203.636	16.219.392.296
	105.743.334.062	**98.725.055.143**

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.946.991.805	(6.876.936.921)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	27.528.118	27.528.118
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	**143**	**(250)**

28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty chỉ thực hiện kinh doanh và theo dõi theo một bộ phận duy nhất là: kinh doanh dịch vụ cảng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN KHÁC

30.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại		
USD	773,25	773,25

30.2 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ với các bên liên quan có phát sinh trong năm 2019 bao gồm:

- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ
- Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn	Công ty liên doanh, liên kết
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Công ty có cùng Công ty mẹ

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	768.000.000	1.225.000.000

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2019 VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	
Doanh thu cho Tổng Công ty thuê bãi	108.252.000
Nhận tiền từ Tổng Công ty trả gốc và lãi vay ngân hàng	75.217.321.528
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	
Lợi nhuận được chia	1.572.522.218
Tiền lợi nhuận nhận về	400.000.000

30.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán. Trong năm 2018, Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu, cụ thể như sau:

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

			01/01/2019
Chỉ tiêu	**Sau điều chỉnh**	**Trước điều chỉnh**	**Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)**
TÀI SẢN			**5.037.777.945**
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	5.384.215.012	346.437.067	5.037.777.945
NGUỒN VỐN			**(5.037.777.945)**
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.963.530.997	13.892.000	1.949.638.997
Lợi nhuận chưa phân phối	(19.234.837.974)	(12.247.421.032)	(6.987.416.942)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.3 SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
Giá vốn hàng bán	75.841.637.808	73.891.998.811	1.949.638.997
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.273.342.772	23.235.564.827	5.037.777.945
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.876.936.921)	110.480.021	(6.987.416.942)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(6.876.936.921)	110.480.021	(6.987.416.942)

Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Q. Tổng Giám đốc
Thái Thị Mỹ Linh	Lâm Trúc Sơn	Nguyễn Văn Phương